Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 03/06/2026 17:35:04 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 7461 /BTC-QLĐT V/v đề nghị có ý kiến đối với dự thảo hồ sơ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	*Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước;
- Các Hiệp hội: Nhà thầu xây dựng Việt Nam, Tư vấn Xây dựng Việt Nam, Kinh tế xây dựng Việt Nam, Pháp luật xây dựng Việt Nam.

Thực hiện Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo văn bản số 2366/VPCP-KTKH ngày 18/3/2026, 3046/VPCP-CN ngày 06/4/2026 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Để hoàn thiện dự thảo Nghị định, trình Chính phủ ban hành trong tháng 7/2026, Bộ Tài chính trân trọng đề nghị quý Cơ quan, doanh nghiệp có ý kiến về dự thảo hồ sơ Nghị định, gửi về Bộ Tài chính ***trước ngày 15/6/2026*** (đồng thời gửi file văn bản về địa chỉ email: chinhsach.qldt2023@gmail.com)[1].

(Dự thảo Nghị định được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia).

Bộ Tài chính cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan, doanh nghiệp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính (để đăng tải Dự thảo);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ (để góp ý);
- Lưu: VT, QLĐT (NLMLinh - 07b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Tâm

[1] Thông tin chi tiết liên hệ đ/c Ngô Lê Mỹ Linh, Cục Quản lý đấu thầu, số điện thoại: 0916.201.095

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ ĐẤU THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày...tháng...năm...

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU	NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU	THUYẾT MINH
Điều 15. Nội dung chi cho Hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu		
Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3		
2. Nhà thầu có kiến nghị được hoàn trả số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng. 3. Nhà thầu không được hoàn trả số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp trong các trường hợp sau: a) Một hoặc các nội dung kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng; b) Nhà thầu rút đơn kiến nghị trong quá trình giải quyết kiến nghị.	Bãi bỏ	Thực tiễn triển khai cho thấy các khoản tiền nhà thầu nộp khi kiến nghị được sử dụng để chi trả các chi phí thực tế phục vụ hoạt động của HIội đồng giải quyết kiến nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Việc xác định nội dung kiến nghị đúng hay sai chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất quá trình giải quyết, do đó tại thời điểm có kết luận, khoản tiền này cơ bản đã được sử dụng. Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực chưa có quy định về nguồn kinh phí để thực hiện việc hoàn trả trong trường hợp kiến nghị được xác định là đúng; nếu hoàn trả sẽ

		phát sinh yêu cầu bố trí ngân sách nhưng chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai. Đồng thời, việc kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng không xuất phát từ lỗi của Hội đồng giải quyết kiến nghị, do đó, quy định về hoàn trả chi phí trong trường hợp này cần được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn thực hiện. Do đó, dự thảo Nghị định quy định nhà thầu không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp, bảo đảm phù hợp với thực tế sử dụng khoản chi phí này trong quá trình giải quyết kiến nghị và khắc phục vướng mắc về nguồn kinh phí hoàn trả, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện
Điều 18. Giá gói thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu		
Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18		
đ) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá. Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về quản	đ) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá. Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về quản	Hiện nay, việc tổ chức lấy báo giá để xây dựng giá gói thầu đối với hàng hóa nhập khẩu còn thiếu cơ sở để kiểm tra, đối chiếu tính hợp lý của báo giá do chưa có đầy đủ thông tin về giá nhập khẩu và các chi phí cấu thành giá hàng hóa, một số trường hợp giá gói thầu có chênh lệch đáng kể so với giá nhập khẩu thực tế của hàng hóa khi được đưa vào Việt Nam. Điều này có thể dẫn đến không bảo đảm tính kinh tế, hiệu quả và khả năng kiểm soát chi phí của gói thầu, đặc biệt đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, giá gói thầu là một trong những căn cứ quan trọng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu được chỉ định mà không có sự cạnh tranh về giá.

lý thiết bị y tế; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn. Đối với hàng hóa, dịch vụ khác, chủ đầu tư được đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc tổ chức lấy báo giá theo cách thức khác; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 05 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.	lý thiết bị y tế; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn. Đối với hàng hóa, dịch vụ khác, chủ đầu tư được đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc tổ chức lấy báo giá theo cách thức khác; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 05 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá. ***Đối với hàng hóa nhập khẩu mà không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá bao gồm các thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều này thì, khi chủ đầu tư tổ chức lấy báo giá phải, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp báo giá kèm theo phân tích cơ cấuthuyết minh các thành phần chi phí chủ yếu hình thành giá của hàng hóa, bao gồm thông tin về chi phí nhập khẩu, vận chuyển, bảo hiểm, thuế, chi phí phân phối,***	

	chi phí quản lý, thuế, lợi nhuận và các thông tin cần thiết chi phí liên quan khác (nếu có);	
Điều 21. Điều kiện năng lực, kinh nghiệm đối với tổ chuyên gia, tổ thẩm định		
Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2		
2. Đối với gói thầu thuộc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; dự án ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, chủ đầu tư quyết định lựa chọn thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định bảo đảm có năng lực thực hiện công việc được giao mà không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này, trừ trường hợp thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định là tư vấn cá nhân hoặc cá nhân thuộc tổ chức tư vấn đấu thầu. Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.	2. Đối với gói thầu thuộc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; dự án ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, ***gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng,*** chủ đầu tư quyết định lựa chọn thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định bảo đảm có năng lực thực hiện công việc được giao mà không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này, trừ trường hợp thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định là tư vấn cá nhân hoặc cá nhân thuộc tổ chức tư vấn đấu thầu. ~~Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.~~ ***2a. Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.***	- Làm rõ quy định "trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành trong quá trình lập, đánh giá, thẩm định… hồ sơ, kết quả thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu" được áp dụng đối với tất cả gói thầu mà không chỉ giới hạn gói thầu thuộc dự án KHCN ĐMST. - Không bắt buộc thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định phải có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và 03 năm công tác thuộc lĩnh vực quản lý đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng để đáp ứng với thực tiễn phát sinh sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, đội ngũ cán bộ cấp xã phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn, trong khi năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tiễn, dẫn đến lúng túng trong triển khai công tác lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp.
Điều 35. Quản lý thực hiện hợp đồng		
2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các	2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các	Thực tiễn triển khai cho thấy công tác quản lý, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ trong quá

mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. ***Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).***	trình thực hiện hợp đồng còn phát sinh một số vướng mắc. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa có đầy đủ thông tin phục vụ theo dõi, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ; đồng thời, một số quy định liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu phụ, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng còn có cách hiểu và áp dụng khác nhau. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về nhà thầu phụ, chuyển nhượng thầu. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về quản lý nhà thầu phụ nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng; hạn chế hành vi chuyển nhượng thầu trái quy định; bảo đảm thống nhất trong nhận thức và tổ chức thực hiện.
Điều 78. Các trường hợp chỉ định thầu		
Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và g khoản 2		
a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo; b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính	a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay ***để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo*** tại ***Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước;*** Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ ~~để bảo đảm hoàn thành~~	Thực tiễn triển khai phát sinh một số gói thầu có chỉ đạo thực hiện ngay tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhưng chưa được áp dụng chỉ định thầu. Đồng thời, yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số" cũng đặt ra yêu cầu áp

phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh dạo Chính phủ để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;	~~tiến độ theo chỉ đạo~~, ***Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh***; b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại ***Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước;*** Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ, ***Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*** để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;	dụng cơ chế chỉ định thầu linh hoạt hơn đối với một số gói thầu triển khai ngay để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công (Thông báo số 213/TB-VPCP ngày 25/4/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị toàn quốc đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công năm 2026).
g) Các trường hợp khác cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.	**g) *Gói thầu thuộc dự án đầu tư công* và các** trường hợp khác cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.	
Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3		
d) Gói thầu xây dựng, mở rộng, nâng cấp: cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương; hệ thống quản lý văn bản, điều hành,	d) Gói thầu ***thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê, mua sắm dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai,*** xây dựng, mở rộng, nâng cấp: cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; nền tảng tích hợp	Sửa đổi gói thầu xây dựng, mở rộng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu để bao quát tất cả gói thầu (hàng hóa, tư vấn, hỗn hợp…) bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của lĩnh vực KHCN ĐMST CĐS, Nghị quyết số 193/2025/QH15.

cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bộ, tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; trung tâm giám sát, điều hành thông minh; hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của quốc gia, bộ, địa phương; các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng.	chia sẻ dữ liệu, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương; hệ thống quản lý văn bản, điều hành, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bộ, tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; trung tâm giám sát, điều hành thông minh; hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của quốc gia, bộ, địa phương; các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng.".	
Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau		
4. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng.	4. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá ***01 tỷ đồng***; gói thầu ~~dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp~~ thuộc dự án có giá gói thầu không quá ***03*** tỷ đồng.";	Trong quá trình tổng kết thi hành pháp luật về đấu thầu, các Bộ, ngành, địa phương[1] có ý kiến cho rằng hạn mức chỉ định thầu hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn, nhiều gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản nhưng chỉ vượt nhẹ hạn mức vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình lựa chọn nhà thầu, làm kéo dài thời gian tổ chức thực hiện.
Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:		
e) Gói thầu lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ và lập, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan về quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành;	***e) Các gói thầu phục vụ công tác quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan về quy hoạch;***	Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã sửa đổi quy định về hệ thống quy hoạch, trong đó bãi bỏ quy định "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành", đồng thời quy định quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định có liên quan đến "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành" để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

[1] Bộ Tư pháp, các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi

Điều 79. Quy trình chỉ định thầu thông thường		
(Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 79)		
3. Quy trình chỉ định thầu thông thường được thực hiện như sau: a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu: Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có). Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư quy định trong hồ sơ yêu	3. Quy trình chỉ định thầu thông thường được thực hiện như sau: a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu: ***Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu (nếu có)***. Chủ đầu tư không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Nghị định này. Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có). Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư quy định trong hồ sơ	Việc thực hiện chỉ định thầu theo phương thức truyền thống bằng hồ sơ giấy còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tình trạng hợp thức hóa hồ sơ, gây khó khăn cho công tác giám sát, kiểm tra. Do đó, thực tiễn đặt ra yêu cầu cần đẩy mạnh thực hiện chỉ định thầu trên Hệ thống nhằm tăng cường công khai, minh bạch, bảo đảm khả năng theo dõi, lưu vết quá trình thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đấu thầu. Đồng thời bổ sung quy định yêu cầu nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam, qua đó tăng cường tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện hợp đồng, góp phần bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả của hình thức chỉ định thầu.

cầu mức tỷ lệ tiết kiệm của giá đề nghị trúng thầu để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất. Chủ đầu tư không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Nghị định này. Việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu (nếu có). b) Xác định nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này. Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc	yêu cầu mức tỷ lệ tiết kiệm của giá đề nghị trúng thầu để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất. ***b) Phát hành, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu:*** Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này. Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó. Hồ sơ yêu cầu được phát hành ***trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*** cho nhà thầu dự kiến chỉ định. ***Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu, sửa đổi hồ sơ yêu cầu được thực hiện Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày có thời***	

lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó. Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho nhà thầu dự kiến chỉ định. c) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu: Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ yêu cầu. Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của hồ sơ yêu cầu và thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt. d) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Việc phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này. Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136	***điểm đóng thầu.*** ***c) Nộp hồ sơ đề xuất, đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo với nhà thầu*** ***Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sau thời điểm đóng thầu, trường hợp cần thiết có thể mở thầu ngay sau khi nhà thầu nộp hồ sơ đề xuất trước thời điểm đóng thầu. Biên bản mở thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm các nội dung: tên nhà thầu; giá dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất; thời gian thực hiện gói thầu.*** Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của hồ sơ yêu cầu và thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. ***Trong quá trình thương thảo, đối với gói thầu có cấu phần mua sắm hàng hóa, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa nhập khẩu, nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập***	

của Nghị định này. đ) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này.	***khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam.*** ***Căn cứ báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo trong quá trình đánh giá, nội dung làm rõ, bổ sung hồ sơ đề xuất, chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với nhà thầu.*** Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt ***và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.*** d) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136 của Nghị định này. Việc phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này. ***Hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu được tự động công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.*** đ) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài	

	liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này. ***Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế, các nội dung thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quy định tại điểm a, b, c, d khoản này được thực hiện trực tiếp giữa chủ đầu tư và nhà thầu và không phải thực hiện đối chiếu tài liệu.***	
Điều 80. Quy trình chỉ định thầu rút gọn		
Sửa đổi, bổ sung khoản 1		
1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.	1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu ~~có khả năng thực hiện gói thầu~~, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có ***khả năng*** ~~năng lực, kinh nghiệm~~ thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.	Việc xác định nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu làm chủ đầu tư phát sinh thêm quy trình đánh giá, tăng thủ tục hành chính, thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.
Sửa đổi, bổ sung khoản 2		
2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định	2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy	Bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản

tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.	định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, ***trừ gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 Nghị định này.***	2 Điều 45a Luật Đầu tư công[2].
Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3		
a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu: Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu; đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác. Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật	a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu: Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu ***trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.*** Đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng ***trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*** cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. ***Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trực tiếp đến nhà thầu.*** Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.	Việc thực hiện chỉ định thầu theo phương thức truyền thống bằng hồ sơ giấy còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tình trạng hợp thức hóa hồ sơ, gây khó khăn cho công tác giám sát, kiểm tra. Do đó, thực tiễn đặt ra yêu cầu cần đẩy mạnh thực hiện chỉ định thầu trên Hệ thống nhằm tăng cường công khai, minh bạch, bảo đảm khả năng theo dõi, lưu vết quá trình thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đấu thầu.

[2] Chủ đầu tư dự án đầu tư công đặc biệt được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và được thực hiện dự án theo phương thức vừa thiết kế, vừa thi công và được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu,...

Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó;	Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó;	
Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3		
b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế; đối với gói thầu xây lắp thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu.	b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế; đối với gói thầu xây lắp thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu. ***Đối với gói thầu có cấu phần mua sắm hàng hóa,***	Thực tiễn triển khai một số gói thầu chỉ định thầu có sử dụng hàng hóa nhập khẩu cho thấy còn khó khăn trong việc xác định, đối chiếu giá hàng hóa nhập khẩu thực tế trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhất là các trường hợp giá chào thầu có biến động lớn so với giá nhập khẩu khi hàng hóa được đưa vào Việt Nam. Do đó, cần bổ sung cơ chế cung cấp thông tin và tài liệu về giá nhập khẩu để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và xử lý phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này;	***trường hợp nhà thầu chào hàng hóa nhập khẩu, nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam.*** Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này;	
Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau		
4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.	4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá ***100*** triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.	Nâng hạn mức giá trị gói thầu, nội dung mua sắm được cơ quan, đơn vị tự quyết định việc mua sắm từ không quá 50 triệu đồng lên không quá 100 triệu đồng nhằm đơn giản hóa thủ tục đối với các nhu cầu mua sắm thường xuyên, giá trị nhỏ; giảm thời gian, chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu.
Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5		
	6. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng quy trình quy định tại khoản 3 Điều 79 của Nghị định này hoặc khoản 3 Điều này.	Làm rõ quy định việc áp dụng quy trình chỉ định thầu, bảo đảm áp dụng thống nhất trong thực tiễn thi hành.

Điều 99. Điều kiện áp dụng chào giá trực tuyến		
Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3		
a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng đối với dự toán mua sắm, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này; b) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng đối với dự án;	a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá ***03*** tỷ đồng đối với dự toán mua sắm, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này; b) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá ***07*** tỷ đồng đối với dự án;	Thực tiễn triển khai yêu cầu cần phải tiếp tục nghiên cứu nâng hạn mức áp dụng chào giá trực tuyến rút gọn nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hình thức chào giá trực tuyến rút gọn, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, giảm chi phí tổ chức thực hiện, đặc biệt đối với các gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản, hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường.
Điều 106. Hàng hoá, dịch vụ đặt hàng		
Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2		
a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc nhóm công nghệ chiến lược của các ngành, lĩnh vực; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng đi ểm, quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ;	a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc nhóm công nghệ chiến lược của các ngành, lĩnh vực; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm***; các dự án, công trình, nhiệm vụ*** quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, ***phát triển công nghiệp*** quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ;	Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình hành động của BCH TW thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.
Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2		
	e) Hàng hoá, dịch vụ, công trình được đặt hàng để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế.	Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số"

Sửa đổi, bổ sung khoản 3		
3. Các bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ đặt hàng theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, trừ trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác.	3. ***Thủ trưởng cơ quan trung ương, người đứng đầu*** ~~Các Bộ,~~ cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ~~trình Thủ tướng Chính phủ~~ ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ đặt hàng ***trong phạm vi quản lý*** theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, trừ trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác.	Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp
Điều 109. Quy trình đặt hàng		
Sửa đổi, bổ sung khoản 6		
6. Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng (trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước): Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm: tiến độ thực hiện; chất lượng hàng hóa, dịch vụ; vi phạm hợp đồng đặt hàng và lý do vi phạm; các thông tin khác (nếu cần thiết). Thời gian đăng tải có thể trong hoặc sau thời thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian hoàn thành đặt hàng.	6. Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng ***và thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng***, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước a) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm: tiến độ thực hiện; chất lượng hàng hóa, dịch vụ; vi phạm hợp đồng đặt hàng và lý do vi phạm; các thông tin khác (nếu cần thiết). Thời gian đăng tải có thể trong hoặc sau thời thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ~~hoàn thành~~ ***thực hiện hợp đồng*** đặt hàng; ***b) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định này. Thời gian công khai là sau thời gian thực hiện hợp đồng nhưng***	Sửa đổi khoản 6 Điều 109 để quy định tổ chức đặt hàng phải công khai thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng, qua đó bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện, đồng thời hình thành cơ sở dữ liệu về chất lượng, hiệu quả sử dụng hàng hóa, làm căn cứ phục vụ việc đánh giá, hoàn thiện tiêu chí kỹ thuật và lựa chọn nhà cung cấp trong các lần đặt hàng tiếp theo.

	không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng đặt hàng.	
Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6		
	7. Việc đặt hàng quy định tại khoản 2 Điều 106 của Nghị định này không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu
Điều 113. Hợp đồng đối với nhà thầu được lựa chọn		
1. Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư (hoặc đơn vị được ủy quyền) với nhà thầu là hợp đồng dân sự và được xác lập bằng văn bản. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền (sau đây gọi là đại diện hợp pháp) của nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng; đối với nhà thầu liên danh, đại diện hợp pháp của các thành viên liên danh chịu trách nhiệm ký hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Đấu thầu. Hợp đồng đã được các bên ký kết, có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật là cơ sở pháp lý cao nhất ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng và để giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có). Nội dung của hợp đồng phải được lập theo mẫu quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đồng thời phù hợp với kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), kết quả hoàn thiện hợp đồng, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở yêu cầu của gói thầu và quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).	1. Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư (hoặc đơn vị được ủy quyền) với nhà thầu là hợp đồng dân sự và được xác lập bằng văn bản. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền (sau đây gọi là đại diện hợp pháp) của nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng; đối với nhà thầu liên danh, đại diện hợp pháp của các thành viên liên danh chịu trách nhiệm ký hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Đấu thầu. Hợp đồng đã được các bên ký kết, có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật là cơ sở pháp lý cao nhất ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng và để giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có). Nội dung của hợp đồng phải được lập theo mẫu quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đồng thời phù hợp với ***hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất,*** kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), kết quả hoàn thiện hợp đồng, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở yêu cầu của gói thầu và quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).	Bảo đảm nguyên tắc hợp đồng phải phù hợp với quy định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

Điều 131. Giám sát hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền		
Bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 2		
	k) Đối với gói thầu có tính chất quan trọng, trọng điểm thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và b1 khoản 3 Điều này, ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản này, nội dung giám sát gồm: tình hình, tiến độ, kết quả của việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng; đánh giá quá trình triển khai thực hiện gói thầu của nhà thầu trúng thầu, bảo đảm tuân thủ theo hợp đồng ký kết.	Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", đồng thời kiểm soát rủi ro trong hoạt động đấu thầu, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền
Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 3		
	b1) Hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án được áp dụng đặt hàng	Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", đồng thời kiểm soát rủi ro trong hoạt động đấu thầu, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền
Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3		
đ) Gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này nhưng người có thẩm quyền quyết định thực hiện giám sát (nếu cần thiết).	d) Gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, ***b1***, c và d khoản này nhưng người có thẩm quyền quyết định thực hiện giám sát (nếu cần thiết).	Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", đồng thời kiểm soát rủi ro trong hoạt động đấu thầu, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền
Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4		
c) Báo cáo kết quả giám sát: cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát thường xuyên báo cáo bằng văn bản đến người có thẩm quyền về kết	c) Báo cáo kết quả giám sát: cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát thường xuyên báo cáo bằng văn bản đến người có thẩm quyền về kết	Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", đồng thời kiểm soát rủi ro trong hoạt động đấu thầu, nâng cao

quả giám sát. Trường hợp phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định pháp luật về đấu thầu, pháp luật có liên quan, cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát phải đề xuất người có thẩm quyền về biện pháp xử lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả của gói thầu.	quả giám sát và công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định pháp luật về đấu thầu, pháp luật có liên quan, cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát phải đề xuất người có thẩm quyền về biện pháp xử lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả của gói thầu.	trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền
Điều 132. Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương		
Sửa đổi, bổ sung khoản 2		
2. Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương a) Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu thuộc phạm vi, trên địa bàn do bộ, ngành, địa phương quản lý; b) Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương.	2. Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương ***Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương là Sở Tài chính, đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nhiệm vụ giám sát thường xuyên (sau đây gọi là cơ quan giám sát thường xuyên) thực hiện giám sát các hoạt động sau đây:*** a) Giám sát thường xuyên hoạt dộng đấu thầu của chủ đầu tư thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu ***trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của*** ~~thuộc phạm vi, trên địa bàn do~~ bộ, ngành, địa phương ~~quản lý~~; b) Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng	Làm rõ cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên là Sở Tài chính và đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nhiệm vụ giám sát thường xuyên.

	ngân sách nhà nước ***trên địa bàn, lĩnh vực quản lý*** ~~thuộc phạm vi quản lý~~ của bộ, ngành, địa phương.	
Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5		
4. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này a) Thông tin về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được gửi tới cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc theo kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân; b) Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các thông tin theo quy định tại điểm a khoản này để yêu cầu chủ đầu tư báo cáo hoặc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện gói thầu, dự án; c) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư, người có thẩm quyền xem xét, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và có văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. 5. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2	4. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này a) Thông tin về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được gửi tới cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc theo kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân; b) Cơ quan ~~quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương~~ ***giám sát thường xuyên*** có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các thông tin theo quy định tại điểm a khoản này để ~~yêu cầu chủ đầu tư báo cáo hoặc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền~~ đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện gói thầu, dự án; c) ***Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu, Cơ quan giám sát thường xuyên có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư rà soát, kiểm tra để kịp thời xử lý và báo cáo Cơ quan giám sát thường xuyên về kết quả xử lý. Đối với gói thầu thuộc nội dung giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu quy định tại điểm a khoản 3 Điều này hoặc trường hợp cần thiết, cơ quan giám sát thường***	Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", đồng thời kiểm soát rủi ro trong hoạt động đấu thầu, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền

Điều này a) Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo bằng văn bản đến Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này; b) Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các thông tin theo quy định tại điểm a khoản này để yêu cầu doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện gói thầu, dự án; c) Trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương thành lập Đoàn giám sát để thực hiện giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước.	***xuyên thành lập đoàn giám sát hoặc đoàn kiểm tra đột xuất để giám sát, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu và kịp thời có biện pháp xử lý theo quy định;*** ***d) Trường hợp có bằng chứng về hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân, cơ quan giám sát thường xuyên*** có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư, người có thẩm quyền xem xét, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và có văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. 5. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại ~~điểm b khoản 1 và~~ điểm b khoản 2 Điều này a) Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp nhà nước ~~không sử dụng vốn ngân sách nhà nước~~, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên ***cập nhật thông tin về hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các thông tin được cập nhật bao gồm: tình hình chung về hoạt động lựa chọn nhà thầu tại doanh nghiệp, đơn vị; hiệu quả trong công tác đấu thầu, mua sắm; kết quả thực hiện đối với các gói thầu thuộc dự án gồm: số lượng nhà thầu tham dự thầu, giải quyết kiến nghị, kết quả lựa chọn***	

	nhà thầu và các nội dung cần thiết khác; tiến độ, kết quả triển khai công tác đấu thầu tại các dự án quan trọng, trọng điểm của doanh nghiệp, đơn vị trong quý (nếu có); dự kiến các hoạt động đấu thầu, mua sắm quan trọng trong quý tiếp theo (nếu có); thông tin khác (nếu có); ***b) Cơ quan giám sát thường xuyên tiếp nhận các thông tin quy định tại điểm a khoản này trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc các thông tin kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân được gửi đến (nếu có) để tổng hợp, theo dõi và khuyến nghị các biện pháp cần thiết để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu;*** ***c) Cơ quan giám sát thường xuyên tổ chức Đoàn giám sát để thực hiện giám sát đối với các hoạt động lựa chọn nhà thầu khi có dấu hiệu không đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.***	
Điều 138. Quy trình giải quyết kiến nghị		
Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1		
a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đến chủ đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến	a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư ***trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc*** trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đến chủ đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông	Nhằm tăng tính công khai, minh bạch, đơn giản quy trình giải quyết kiến nghị, bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu

nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;	tin nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;	
Sửa đổi, bổ sung khoản 2		
2. Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây: a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống	2. Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây: a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống	Nhằm tăng tính công khai, minh bạch, đơn giản quy trình giải quyết kiến nghị, bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu

mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin của nhà thầu gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập và gửi đến chủ đầu	mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin của nhà thầu gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập ~~và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia~~. ***Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.*** b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày	

tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị đồng thời đến bộ phận thường trực và chủ đầu tư thì trách nhiệm giải quyết kiến nghị thuộc Hội đồng giải quyết kiến nghị.	kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập ~~và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia~~. ***Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.*** Trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị đồng thời đến bộ phận thường trực và chủ đầu tư thì trách nhiệm giải quyết kiến nghị thuộc Hội đồng giải quyết kiến nghị.	
Sửa đổi, bổ sung khoản 4		
4. Văn bản giải quyết kiến nghị phải có kết luận về nội dung mà nhà thầu kiến nghị; trường hợp kiến nghị được kết luận là đúng thì trong văn bản giải quyết kiến nghị phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có). Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng thì văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do. Việc hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.	4. Văn bản giải quyết kiến nghị phải có kết luận về nội dung mà nhà thầu kiến nghị; trường hợp kiến nghị được kết luận là đúng thì trong văn bản giải quyết kiến nghị phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có). Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng thì văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do. ~~Việc hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.~~ ***Trong mọi trường hợp nhà thầu kiến nghị không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp.***	Thực tiễn triển khai cho thấy các khoản tiền nhà thầu nộp khi kiến nghị được sử dụng để chi trả các chi phí thực tế phục vụ hoạt động của Hội đồng giải quyết kiến nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Việc xác định nội dung kiến nghị đúng hay sai chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất quá trình giải quyết, do đó tại thời điểm có kết luận, khoản tiền này cơ bản đã được sử dụng. Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực chưa có quy định về nguồn kinh phí để thực hiện việc hoàn trả trong trường hợp kiến nghị được xác định là đúng; nếu hoàn trả sẽ phát sinh yêu cầu bố trí ngân sách nhưng chưa

		có cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai. Đồng thời, việc kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng không xuất phát từ lỗi của Hội đồng giải quyết kiến nghị. Do đó, dự thảo Nghị định quy định nhà thầu không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp, bảo đảm phù hợp với thực tế sử dụng khoản chi phí này trong quá trình giải quyết kiến nghị và khắc phục vướng mắc về nguồn kinh phí hoàn trả, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện.
Sửa đổi, bổ sung khoản 6		
6. Đối với việc giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị, chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị.	6. Đối với việc giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền~~, Hội đồng giải quyết kiến nghị~~, chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền~~, Hội đồng giải quyết kiến nghị~~.	Nhằm tăng tính công khai, minh bạch, đơn giản quy trình giải quyết kiến nghị, bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu
Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7		
	8. Đối với kiến nghị có nhiều nội dung phức tạp, chủ đầu tư, người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị có thể quyết định kéo dài thêm tối đa 07 ngày làm việc	Nhằm bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu
Điều 140. Xử lý tình huống trong đấu thầu qua mạng và không qua mạng		
Sửa đổi khoản 25		
25. Trong quá trình nhà thầu thực hiện hợp đồng, trường hợp nhân sự của nhà thầu (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời	25. Trong quá trình nhà thầu thực hiện hợp đồng ~~trường hợp~~ ***tại các gói thầu mà*** nhân sự của nhà thầu (ký kết hợp đồng lao động với	Làm rõ quy định này theo hướng chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng với nhà thầu có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về

điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu đó trúng thầu thì chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu; nhà thầu chỉ được thanh toán đối với các phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu theo quy định trong hợp đồng. Nhà thầu bị coi là không hoàn thành hợp đồng và bị đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trong thông báo phải nêu rõ lý do vi phạm dẫn tới phải chấm dứt hợp đồng; đối với phần công việc chưa thực hiện, chủ đầu tư tiến hành chỉ định thầu theo quy định tại điểm đ khoản 20 Điều này hoặc tách thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật.	nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu đó trúng thầu thì chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu; nhà thầu chỉ được thanh toán đối với các phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu theo quy định trong hợp đồng. Nhà thầu bị coi là không hoàn thành hợp đồng và bị đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trong thông báo phải nêu rõ lý do vi phạm dẫn tới phải chấm dứt hợp đồng; đối với phần công việc chưa thực hiện, chủ đầu tư tiến hành chỉ định thầu theo quy định tại điểm đ khoản 20 Điều này hoặc tách thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật.”	đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu trúng thầu thì chỉ áp dụng chấm dứt hợp đồng đối với hợp đồng mà nhà thầu có nhân sự đó đang thực hiện mà không áp dụng đối với tất cả các hợp đồng.
Bổ sung khoản 33a và 33b vào sau khoản 33		
	33a. Trường hợp gói thầu chỉ có một tham dự thầu nhà thầu và có hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hồ sơ mời thầu đối với hạng mục hàng hóa là vật tư, thiết bị thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường với tổng giá trị các hạng mục hàng hóa này trong giá gói thầu chiếm tỷ trọng không quá 1% giá gói thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định cho phép nhà thầu bổ sung, thay	- Thực tiễn phát sinh trường hợp nhà thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng không đáp ứng một số yêu cầu kỹ thuật đối với vật tư, thiết bị thông thường có giá trị rất nhỏ, do đó cần có cơ chế xử lý linh hoạt nhằm tránh phải tổ chức lựa chọn nhà thầu lại, gây kéo dài tiến độ và phát sinh chi phí không cần thiết. - Thực tiễn phát sinh trường hợp quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất kéo dài dẫn đến hết hiệu lực của hồ sơ và bảo đảm dự thầu vì nguyên nhân khách quan không xuất phát từ lỗi

	thế các hàng hóa đó. Việc bổ sung, thay thế không được làm thay đổi đơn giá của hàng hóa đã chào. ***33b. Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất bị kéo dài dẫn đến hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu hết hiệu lực, chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu, bảo đảm dự thầu tương ứng. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận hoặc từ chối việc khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, bảo đảm dự thầu thì nhà thầu không bị xử lý theo các quy định của pháp luật về đấu thầu.***	của nhà thầu, do đó cần bổ sung cơ chế cho phép khôi phục hiệu lực và không xử lý nhà thầu trong trường hợp không chấp thuận gia hạn.
Sửa đổi, bổ sung khoản 34		
34. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 33 Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.	34. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản ***33b*** Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.	Đồng bộ với các quy định sửa đổi
Điều 141. Quản lý nhà thầu		
Sửa đổi, bổ sung khoản 2		
2. Quản lý nhà thầu phụ: a) Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc xây lắp; tư vấn; phi tư vấn; dịch vụ liên quan của gói thầu cung cấp hàng hóa; công việc thuộc gói thầu hỗn hợp. Việc sử dụng nhà thầu phụ	2. Quản lý nhà thầu phụ: ***a) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quy định tỷ lệ phần trăm về giá trị tối đa sử dụng nhà thầu phụ trên giá dự thầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Nhà thầu được đề xuất các phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ, tên nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, việc đề xuất phải bảo đảm***	Thực tiễn triển khai cho thấy công tác quản lý, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng còn phát sinh một số vướng mắc. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa có đầy đủ thông tin phục vụ theo dõi, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ; đồng thời, một số quy định liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu phụ, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực

sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện; b) Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ quy định tại điểm a khoản này hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu; c) Nhà thầu chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng các nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện các công việc được giao. Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện công việc quan trọng của gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, việc đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt được thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt; d) Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu với nhà thầu phụ.	***không vượt giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu chưa xác định được tên nhà thầu phụ dự kiến thực hiện thì nhà thầu có thể không nêu tên nhà thầu phụ nhưng phải nêu rõ phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Phần công việc có thể là một hoặc nhiều hạng mục công việc hoặc một phần khối lượng trong hạng mục công việc của gói thầu;*** ***b) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện công việc quan trọng của gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, việc đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt được thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt;*** ***c) Trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu phải thống nhất mức tỷ lệ phần trăm sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu được đề xuất thay đổi tên nhà thầu thầu phụ, tăng hoặc giảm phần công việc, giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng bảo đảm không vượt giá trị tối đa dành cho***	hiện hợp đồng còn có cách hiểu và áp dụng khác nhau. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về nhà thầu phụ, chuyển nhượng thầu. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về quản lý nhà thầu phụ nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng; hạn chế hành vi chuyển nhượng thầu trái quy định; bảo đảm thống nhất trong nhận thức và tổ chức thực hiện

	nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu để làm cơ sở ký kết hợp đồng. d) Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hoặc các nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để thực hiện các công việc dự kiến sử dụng nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện; đ) Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ~~quy định tại điểm a khoản này~~ ***(trừ nhà thầu phụ đặc biệt)*** hoặc thay đổi ***phần công việc, giá trị công việc do nhà thầu phụ thực hiện*** ~~nội dung thầu phụ~~ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và ***phải bảo đảm*** không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; ***chủ đầu tư không đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt),*** nhà thầu chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu ***về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.*** ~~sử dụng nhà thầu phụ~~	

	~~phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;~~. ***Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm dành cho nhà thầu phụ được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh;*** e) Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu với nhà thầu phụ. ***"g) Nhà thầu không được sử dụng hoặc ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần công việc thuộc trách nhiệm của mình sau khi đã trừ đi giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;*** ***h) Nhà thầu được ký hợp đồng để mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, hàng hóa, thiết bị, thuê thiết bị thi công, nhân sự từ các nhà cung cấp, cá nhân để thực hiện gói thầu. Trong trường hợp này, các nhà cung cấp, cá nhân không phải là nhà thầu phụ, giá trị các công việc này không bị tính vào giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ và không bị coi là vi phạm quy định tại điểm g khoản này.***	

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)		
Điều 13. Căn cứ để đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước		
Sửa đổi, bổ sung khoản 1		
	1. Dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao. ***Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.***	Việc đặt hàng phải căn cứ vào dự toán giao hằng năm, trong khi dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích có tính chất thường xuyên, cần bảo đảm duy trì liên tục (chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, thoát nước đô thị, duy trì đèn tín hiệu giao thông...). Do đó, việc phải lặp lại quy trình đặt hàng hằng năm đối với các dịch vụ mang tính chất thường xuyên, liên tục làm tăng thủ tục cho cơ quan đặt hàng, có nguy cơ gây gián đoạn dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích.
Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 14		
	d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan. ***Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị căn cứ giá thực hiện năm gần nhất hoặc giá tại thời điểm lập dự toán để ký hợp đồng đặt hàng.*** ***Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị***	Quy trình thủ tục đặt hàng hiện nay còn phức tạp; việc ký kết hợp đồng phải căn cứ vào giá đặt hàng trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành. Tuy nhiên, việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với một số sản phẩm, dịch vụ công chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác xác định giá, giá dịch vụ đặt hàng, không đủ cơ sở để ký kết hợp đồng, ảnh hưởng đến việc bảo đảm tiến độ, tính liên tục của việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công.

	điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng theo quy định.	
Điều 18. Căn cứ đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích		
Sửa đổi, bổ sung khoản 1		
	1. Dự toán được cấp có thẩm quyền giao đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. ***Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.***";	Việc đặt hàng phải căn cứ vào dự toán giao hằng năm, trong khi dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích có tính chất thường xuyên, cần bảo đảm duy trì liên tục (chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, thoát nước đô thị, duy trì đèn tín hiệu giao thông...). Do đó, việc phải lặp lại quy trình đặt hàng hằng năm đối với các dịch vụ mang tính chất thường xuyên, liên tục làm tăng thủ tục cho cơ quan đặt hàng, có nguy cơ gây gián đoạn dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích.
Sửa đổi, bổ sung khoản 3		
	3. Đơn giá, giá đặt hàng; mức trợ giá được xác định ~~trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và do cơ quan có thẩm quyền quyết định~~ theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công ích có thu phí thì theo mức thu phí do Nhà nước quy định.	Việc đặt hàng phải căn cứ vào dự toán giao hằng năm, trong khi dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích có tính chất thường xuyên, cần bảo đảm duy trì liên tục (chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, thoát nước đô thị, duy trì đèn tín hiệu giao thông...). Do đó, việc phải lặp lại quy trình đặt hàng hằng năm đối với các dịch vụ mang tính chất thường xuyên, liên tục làm tăng thủ tục cho cơ quan đặt hàng, có nguy cơ gây gián đoạn dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích.
Điều 19. Nội dung hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích		
Sửa đổi điểm c khoản 1		
	c) Giá, đơn giá, mức trợ giá. ***Trong đó: giá, đơn giá đặt hàng theo quyết định của cơ***	Quy trình thủ tục đặt hàng hiện nay còn phức tạp; việc ký kết hợp đồng phải căn cứ vào giá

	quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan. ***Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị căn cứ giá thực hiện năm gần nhất hoặc giá tại thời điểm lập dự toán để ký hợp đồng đặt hàng.*** ***Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, xác định mức trợ giá theo quy định.***	đặt hàng trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành. Tuy nhiên, việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với một số sản phẩm, dịch vụ công chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác xác định giá, giá dịch vụ đặt hàng, không đủ cơ sở để ký kết hợp đồng, ảnh hưởng đến việc bảo đảm tiến độ, tính liên tục của việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công.
Điều 26. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp		
Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2		
	b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng làm cơ sở ban hành giá ~~dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước~~ ***sản phẩm, dịch vụ công*** theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan ~~để làm cơ sở đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định này~~. Trường hợp đối với những danh mục ~~dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước~~ ***sản phẩm, dịch vụ công*** các bộ, cơ quan trung ương chưa ban hành hoặc không ban hành định mức kinh tế	- Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) đối với sản phẩm, dịch vụ công (bao gồm dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thay vì chỉ chỉ quy định đối với dịch vụ sự nghiệp công. - Bổ sung quy định về nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sau khi hoàn thành; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp

	kỹ thuật, ***định mức chi phí (nếu có) hoặc ban hành không phù hợp với thực tế tại địa phương***, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành ~~dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước~~ ***sản phẩm, dịch vụ công*** thuộc phạm vi quản lý để thực hiện ***phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương***. ***Ban hành, sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của địa phương***.	

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /BC-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

BÁO CÁO

Tổng kết thi hành dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

DỰ THẢO

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại công văn số 2366/VPCP-KTKH ngày 18/3/2026[1] và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại văn bản số 3046/VPCP-CN ngày 06/4/2026[2], Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết thi thành các quy định liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước

1.1. *Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu*

- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đặt ra nhiệm vụ: *"Ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh".*

- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng giao Bộ Tài chính *ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh".*

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,

---

[1]Bổ sung Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu vào Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thời hạn trình Chính phủ tháng 5/2026

[2]Đồng ý điều chỉnh lùi thời hạn trình Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Nghị định thay thế Nghị định số 95/2020/NĐ-CP; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đến tháng 7/2026

tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" giao Đảng ủy Bộ Tài chính *"Thể chế hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế"*.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã xác định chủ trương: *"Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số..."* và đặt ra các nhiệm vụ *"tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp."*.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định chủ trương: "*Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển*".

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra nhiệm vụ *"hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, nhất là trong đầu tư, mua sắm, đấu thầu, triển khai các dự án năng lượng, nhất là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải."*.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đặt ra nhiệm vụ *"đơn giản hoá quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu"*.

- Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, Quốc hội yêu cầu: "*Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng "vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển", từ bỏ tư duy "không quản được thì cấm"; đề cao phương pháp "quản lý theo kết quả", chuyển mạnh từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.*".

- Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng -xanh - sạch - đẹp giao Bộ Tài chính *"rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung chính sách về thuế, phí, đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên đảm bảo thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia ổn định, lâu dài vào hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trong trường hợp cần thiết."*.

1.2. Các quy định pháp luật mới được ban hành liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã sửa đổi quy định về hệ thống quy hoạch, trong đó bãi bỏ quy định "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành", đồng thời quy định quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

Trong quá thực hiện Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã rà soát một số nội dung cần được sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các Nghị định thực hiện thông qua khuôn khổ các hoạt động sau:

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ thể chế hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế theo yêu cầu tại Kết luận số 18-KL/TW Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 – 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" (công văn số 5419/BTC- QLĐT ngày 29/4/2026).

- Tổng hợp ý kiến của bộ, ngành, địa phương theo yêu cầu rà soát pháp luật về đấu thầu (văn bản số 5476/BTC-QLĐT ngày 04/5/2026).

- Tổ chức các hội thảo phổ biến quy định pháp luật về đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

- Giải đáp các văn bản kiến nghị giải quyết vướng mắc của doanh nghiệp, người dân và địa phương.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật

Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng,

Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Nghị định này đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

2. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

Trong thời gian qua, việc thực hiện Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đã phát sinh một số vướng mắc cần được tháo gỡ như sau:

a) Về tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động đấu thầu

- Để bảo đảm phù hợp với chủ trương của Nghị quyết số 57/NQ-TW, Nghị quyết số 68/NQ-TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 198/2025/QH15, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đãmở rộng các trường hợp áp dụng đặt hàng, chỉ định thầu, đáp ứng tính đặc thù của từng lĩnh vực như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN ĐMST CĐS), quốc phòng, an ninh...gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, phù hợp với chủ trương chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm".

Tuy nhiên, quy trình chỉ định thầu hiện nay thực hiện theo phương thức truyền thống bằng hồ sơ giấy tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tình trạng hợp thức hóa hồ, mức độ công khai, minh bạch còn hạn chế, chủ yếu dừng ở công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, chưa có cơ chế bắt buộc công khai đầy đủ hồ sơ, quá trình lựa chọn nhà thầu và kết quả thực hiện hợp đồng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ đặt hàng.

Đồng thời, tại văn bản số 785/VPCP-CN ngày 27/02/2026 (Tối mật) của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu một số đề xuất liên quan đến lĩnh vực đấu thầu để chủ động xử lý theo quy định như: tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước về đấu thầu, rà soát các trường hợp chỉ định thầu, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu; đơn giản hóa quy trình, thủ tục...

Tại Báo cáo đề xuất các giải pháp chiến lược thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số", Đảng ủy Bộ Tài chính đặt ra nhiệm vụ "đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cơ chế đặt hàng, công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng trên các nền tảng số sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí giao dịch và hạn chế tiêu cực".

Căn cứ các nội dung nêu trên, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết phải rà soát, nghiên cứu các quy định về công khai thông tin trong đấu thầu, đặc biệt là chỉ định thầu, đặt hàng để tăng cường hơn nữa tính minh bạch trong việc áp dụng

các hình thức này.

b) Về các trường hợp chỉ định thầu, đặt hàng

- Về đặt hàng: Các trường hợp đặt hàng đã được quy định tương đối đầy đủ tại Điều 106 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, tuy nhiên trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, chiến lược đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về đặt hàng để triển khai các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm tính chất đặc thù, cấp bách, quan trọng quốc gia, yêu cầu quốc phòng, an ninh của dự án, gói thầu theo chủ trương, đường lối của Đảng, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" trong giai đoạn tới.

- Về chỉ định thầu:

+ Theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, các gói thầu có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay, gói thầu cần thực hiện để bảo đảm tính kết nối, đồng bộ giữa các công trình theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ được áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai phát sinh một số gói thầu có chỉ đạo thực hiện ngay tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhưng chưa được áp dụng chỉ định thầu.

Đồng thời, yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số" cũng đặt ra yêu cầu áp dụng cơ chế chỉ định thầu linh hoạt hơn đối với một số gói thầu triển khai ngay để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công.

Do đó, cần rà soát, hoàn thiện quy định này để bao quát đầy đủ các trường hợp chỉ định thầu phát sinh trong thực tiễn.

+Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, các gói thầu xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được áp dụng hình thức chỉ định thầu. Tuy nhiên, quy định này chưa bao gồm gói thầu tư vấn, hỗn hợp (tư vấn và cung cấp hàng hóa EP) khi triển khai xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

+Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã sửa đổi quy định về hệ thống quy hoạch, trong đó bãi bỏ quy định "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành",

đồng thời quy định quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Do vậy, cần sửa đổi quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP có liên quan đến "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành" để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình tổng kết thi hành pháp luật về đấu thầu, các Bộ, ngành, địa phương[3] có ý kiến cho rằng hạn mức chỉ định thầu hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn, nhiều gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản nhưng chỉ vượt nhẹ hạn mức vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình lựa chọn nhà thầu, làm kéo dài thời gian tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, đối với nhiều gói thầu giá trị không lớn, tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu rất thấp, thậm chí không bù đắp được chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần thiết nghiên cứu điều chỉnh nâng hạn mức chỉ định thầu nhằm giảm thời gian, chi phí tổ chức thực hiện, nâng cao tính chủ động của cơ quan, đơn vị và đẩy nhanh tiến độ triển khai, giải ngân vốn đầu tư công.

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải đáp ứng điều kiện, quy trình chỉ định thầu.

Tuy nhiên, hạn mức 50 triệu đồng hiện nay cũng không còn phù hợp với mặt bằng giá cả, chi phí hàng hóa, dịch vụ trên thực tế, dẫn đến hạn chế tính chủ động, linh hoạt của cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

c) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu

- Quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mặc dù đã được cải cách nhưng thời gian thực hiện vẫn còn kéo dài, phức tạp (như lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với hình thức đặt hàng, danh mục sản phẩm đặt hàng vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành...). Do vậy, các quy định này cần tiếp tục xem xét sửa đổi để tăng cường phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu.

---

[3]Bộ Tư pháp, các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định áp dụnghình thức chào giá trực tuyến rút gọn để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư mua sắm hàng hóa đúng chủng loại theo thủ tục đơn giản, nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn và phù hợp với khả năng tài chính.

Thực tiễn triển khai yêu cầu cần phải tiếp tục nghiên cứu nâng hạn mức áp dụng nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hình thức chào giá trực tuyến rút gọn, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, giảm chi phí tổ chức thực hiện, đặc biệt đối với các gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản, hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường.

- Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, đội ngũ cán bộ cấp xã phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn, trong khi năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tiễn, dẫn đến lúng túng trong triển khai công tác lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp. Do đó, cần nghiên cứu điều chỉnh yêu cầu về năng lực của tổ chuyên gia, tổ thẩm định để đáp ứng với thực tiễn phát sinh, đặc biệt các gói thầu quy mô nhỏ, đơn giản nhằm rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu.

- Các quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP cần được rà soát để kịp thời khắc phục khó khăn vướng mắc trong thực tiễn triển khai, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ ***khác*** được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.

d) Về nâng cao chất lượng hoạt động đấu thầu

- Thực tiễn triển khai cho thấy công tác quản lý, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng còn phát sinh một số vướng mắc. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa có đầy đủ thông tin phục vụ theo dõi, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ; đồng thời, một số quy định liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu phụ, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng còn có cách hiểu và áp dụng khác nhau. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về nhà thầu phụ, chuyển nhượng thầu.

- Hiện nay, việc tổ chức lấy báo giá để xây dựng giá gói thầu đối với hàng hóa nhập khẩu còn thiếu cơ sở để kiểm tra, đối chiếu tính hợp lý của báo giá do chưa có đầy đủ thông tin về giá nhập khẩu và các chi phí cấu thành giá hàng hóa, một số trường hợp giá gói thầucó chênh lệch đáng kể so với giá nhập khẩu thực tế của hàng hóa khi được đưa vào Việt Nam. Điều này có thểdẫn đến không bảo đảm tính kinh tế, hiệu quả và khả năng kiểm soát chi phí của gói thầu, đặc biệt đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, giá gói thầu là một trong

những căn cứ quan trọng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu được chỉ định mà không có sự cạnh tranh về giá.

đ) Về giải quyết kiến nghị, giám sát hoạt động đấu thầu

- Về giám sát hoạt động đấu thầu:

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đã quy định cơ chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập Nhóm 1, Nhóm 2 không sử dụng vốnngân sách nhà nước, nội dung giám sát bao gồm các gói thầu áp dụng chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy công tác giám sát hoạt động đấu thầu tại một số nơi còn chưa kịp thời, chưa phát huy đầy đủ hiệu quả phòng ngừa, cảnh báo và chấn chỉnh vi phạm, đặc biệt đối với các gói thầu áp dụng chỉ định thầu, đặt hàng và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; đồng thời chưa có công cụ tổng thể để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu theo thời gian thực trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Về giải quyết kiến nghị:

+ Tiếp tục số hóa việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP,nhà thầu có kiến nghị được hoàn trả số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy các khoản tiền nhà thầu nộp khi kiến nghị được sử dụng để chi trả các chi phí thực tế phục vụ hoạt động của Hội đồng giải quyết kiến nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP[4]. Việc xác định nội dung kiến nghị đúng hay sai chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất quá trình giải quyết, do đó tại thời điểm có kết luận, khoản tiền này cơ bản đã được sử dụng.

Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực chưa có quy định về nguồn kinh phí để thực hiện việc hoàn trả trong trường hợp kiến nghị được xác định là đúng; nếu hoàn trả sẽ phát sinh yêu cầu bố trí ngân sáchnhưng chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai. Đồng thời, việc kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng không xuất phát từ lỗi của Hội đồng giải quyết kiến nghị, do đó, quy định về hoàn trả chi phí trong trường hợp này cần được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn thực hiện.

---

[4] Chi trực tiếp thù lao cho các thành viên Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, họp và các chi phí khác phục vụ giải quyết kiến nghị của nhà thầu.

3. Quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; phân quyền, phân cấp

Sửa đổi khoản 3 Điều 106 và bổ sung khoản 7 Điều 109 để quy định thủ trưởng cơ quan trung ương, người đứng đầu cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ đặt hàng thay vì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục; đồng thời quy định việc đặt hàng sản phẩm, hàng hóa khác ngoài sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Việc tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đã được Bộ Tài chính thực hiện trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu tại Luật số 90/2025/QH15.

Các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định nhằm quy định chi tiết các điều, khoản được Luật giao Chính phủ quy định; tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong thực tiễn triển khai Luật Đấu thầu và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đồng thời, dự thảo Nghị định đã được gửi lấy ý kiến rộng rãi, tổ chức họp với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và tham vấn ý kiến các chuyên gia trước khi trình Chính phủ xem xét, ban hành.

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, QLĐT (Đ.T.N - b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

PHỤ LỤC KẾT QUẢ RÀ SOÁT

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng năm 2026 của Bộ Tài chính)

I. CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1.	Toàn bộ Dự thảo Khoản 8, 9 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 106, 109 Nghị định số 214/2026/NĐ-CP)	Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng giao Bộ Tài chính ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh".	Đã thể chế đầy đủ.	
2.	Toàn bộ Dự thảo Khoản 8, 9 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 106, 109 Nghị định số 214/2026/NĐ-CP)	Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" giao Đảng ủy Bộ Tài chính "Thể chế hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế".	Đã thể chế đầy đủ.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
3.	Toàn bộ Dự thảo	Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã xác định chủ trương: "Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số..." và đặt ra các nhiệm vụ "tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp.".	Đã thể chế đầy đủ.	
4.	Toàn bộ Dự thảo	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định chủ trương: "Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển".	Đã thể chế đầy đủ.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
5.	Toàn bộ Dự thảo	Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra nhiệm vụ"hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, nhất là trong đầu tư, mua sắm, đấu thầu, triển khai các dự án năng lượng, nhất là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải.".		
6.	Toàn bộ Dự thảo	Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đặt ra nhiệm vụ "đơn giản hoá quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu"	Đã thể chế đầy đủ. Các điều, khoản trong Nghị định đã được rà soát, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, không làm tăng thủ tục hành chính, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đấu thầu; đồng thời tạo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền, nhà đầu tư, doanh nghiệp	
7.	Toàn bộ Dự thảo Khoản 11, 12 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Điều 131, 132 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP)	Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, Quốc hội yêu cầu: "Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp	Đã thể chế đầy đủ.	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		luật theo hướng "vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển", từ bỏ tư duy "không quản được thì cấm"; đề cao phương pháp "quản lý theo kết quả", chuyển mạnh từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.".		
8.	Toàn bộ Dự thảo	Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp giao Bộ Tài chính "rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung chính sách về thuế, phí, đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên đảm bảo thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia ổn định, lâu dài vào hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trong trường hợp cần thiết.".	Đã thể chế đầy đủ.	

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
1.	Khoản 1 Điều 1: Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 15 Luật Đấu thầu quy định Chính phủ quy định chi tiết Điều này	Khoản 1 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết.	
2.	Khoản 2 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Khoản 2 Điều 39 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về nội dung giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Khoản 2 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết; đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác lập giá gói thầu	
3.	Khoản 3 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 19 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về năng lực, kinh nghiệm của thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định.	Khoản 3 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết	
4.	Khoản 4 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Khoản 16 Điều 1: Sửa	Điều 43 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này, trong đó có nội dung về quản lý thực hiện hợp đồng	Khoản 4 Điều 1 và khoản 16 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết; đồng thời nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng;	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đổi, bổ sung Điều 141 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP		hạn chế hành vi chuyển nhượng thầu trái quy định	
5.	Khoản 5 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Khoản 6 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 79 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Khoản 7 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 23 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về chỉ định thầu	Khoản 5 Điều 1 và Khoản 6, khoản 1 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết về các trường hợp áp dụng chỉ định thầu, quy trình chỉ định thầu thông thường, rút gọn. Đồng thời, các nội dung tại khoản 5 và khoản 6, 7 Điều 1 sửa đổi các trường hợp áp dụng chỉ định thầu, quy trình chỉ định thầu nhằm làm rõ, tạo thuận lợi trong thực thi, rút ngắn quy trình, thủ tục khi chỉ định thầu, tăng cường công khai, minh bạch trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, cải cách thủ tục hành chính.	
6.	Khoản 8 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 99 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Khoản 2 Điều 20 giao Chính phủ quy định về hình thức, quy trình, đối tượng phù hợp với tính năng mới của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia Khoản 5 Điều 50 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về kỹ thuật	Khoản 8 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết; đồng thời tăng cường áp dụng hình thức chào giá trực tuyến để nâng cao hiệu quả công tác đấu thầu qua mạng	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
		đấu thầu qua mạng phù hợp với tính năng và sự phát triển của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia		
7.	Khoản 9 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 106 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP Khoản 10 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 109 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 29a Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về đặt hàng	Khoản 9 và Khoản 10 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định định chi tiết về các trường hợp đặt hàng, điều kiện, quy trình đặt hàng. Việc sửa đổi, bổ sung phù hợp với các chỉ đạo, đường lối lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, công khai, minh bạch thông tin	
8.	Khoản 11 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 113 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 67 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng ký kết với nhà thầu được lựa chọn	Khoản 11 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
9.	Khoản 12 Điều 1, Khoản 13 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 131, 132 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 86 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về giám sát hoạt động đấu thầu	Khoản 12 và Khoản 13 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết. Việc sửa đổi tại Khoản 12 và Khoản 13 phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", phòng chống tiêu cực, lãng phí trong công tác đấu thầu	
10.	Khoản 14 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 138 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 89 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu	Khoản 14 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết. Việc quy định tại khoản 14 Điều 1 cũng góp phần cắt giảm quy trình, thủ tục trong giải quyết kiến nghị trong đấu thầu.	
11.	Khoản 15 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 88 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết về xử lý tình huống trong hoạt động đấu thầu	Khoản 15 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết	

STT	QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách/dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
12.	Khoản 16 Điều 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 141 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP	Điều 43 Luật Đấu thầu giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này, trong đó có nội dung về quản lý thực hiện hợp đồng	Khoản 16 Điều 1 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết; đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc sử dụng nhà thầu phụ.	
13.	Điều 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 32/2019/NĐ-CP	Nghị định số 32/2019/NĐ-CP	Điều 2 phù hợp với nội dung được giao quy định chi tiết, đồng thời nhằm tạo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công trong nhiều năm, đơn giản hóa thủ tục đặt hàng	

III. ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO

Hiện nay, Việt Nam đã ký kết, tham gia 15 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Qua rà soát, các nội dung dự kiến quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp, tính tương thích với các điều ước quốc tế cũng như cam kết quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc tham gia.

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /TTr-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

DỰ THẢO

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại công văn số 2366/VPCP-KTKH ngày 18/3/2026[1] và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại văn bản số 3046/VPCP-CN ngày 06/4/2026[2], Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng giao Bộ Tài chính "*ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh*".

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" giao Đảng ủy Bộ Tài chính "*thể chế hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế*".

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã xác định chủ trương "*tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật*

---

[1] Bổ sung Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu vào Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thời hạn trình Chính phủ tháng 5/2026

[2] Đồng ý điều chỉnh lùi thời hạn trình Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Nghị định thay thế Nghị định số 95/2020/NĐ-CP; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đến tháng 7/2026

và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số..." và đặt ra các nhiệm vụ *"tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp.".*

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định chủ trương *"đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển*".

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra nhiệm vụ *"hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, nhất là trong đầu tư, mua sắm, đấu thầu, triển khai các dự án năng lượng, nhất là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải.".*

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đặt ra nhiệm vụ *"đơn giản hoá quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu".*

- Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, Quốc hội yêu cầu "*đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng "vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển", từ bỏ tư duy "không quản được thì cấm"; đề cao phương pháp "quản lý theo kết quả", chuyển mạnh từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát.*".

- Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng -xanh - sạch - đẹp giao Bộ Tài chính *"rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung chính sách về thuế, phí, đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên đảm bảo thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia ổn định, lâu dài vào hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trong trường hợp cần thiết.".*

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Nghị định này đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Tài chính đã rà soát một số nội dung cần được sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các Nghị định, cụ thể gồm:

a) Về tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động đấu thầu

- Để bảo đảm phù hợp với chủ trương của Nghị quyết số 57/NQ-TW, Nghị quyết số 68/NQ-TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 198/2025/QH15, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đã mở rộng các trường hợp áp dụng đặt hàng, chỉ định thầu, đáp ứng tính đặc thù của từng lĩnh vực như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN ĐMST CĐS), quốc phòng, an ninh... gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, phù hợp với chủ trương chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm".

Tuy nhiên, quy trình chỉ định thầu hiện nay thực hiện theo phương thức truyền thống bằng hồ sơ giấy tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tình trạng hợp thức hóa hồ, mức độ công khai, minh bạch còn hạn chế, chủ yếu dừng ở công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, chưa có cơ chế bắt buộc công khai đầy đủ hồ sơ, quá trình lựa chọn nhà thầu và kết quả thực hiện hợp đồng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ đặt hàng.

Đồng thời, tại văn bản số 785/VPCP-CN ngày 27/02/2026 (Tối mật) của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu một số đề xuất liên quan đến lĩnh vực đấu thầu để chủ động xử lý theo quy định như: tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước về đấu thầu, rà soát các trường hợp chỉ định thầu, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu; đơn giản hóa quy trình, thủ tục...

Tại Báo cáo đề xuất các giải pháp chiến lược thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số", Đảng ủy Bộ Tài chính đặt ra nhiệm vụ "đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cơ chế đặt hàng, công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng trên các nền tảng số sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí giao dịch và hạn chế tiêu cực".

Căn cứ các nội dung nêu trên, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết phải rà soát, nghiên cứu các quy định về công khai thông tin trong đấu thầu, đặc biệt là chỉ định thầu, đặt hàng để tăng cường hơn nữa tính minh bạch trong việc áp dụng các hình thức này.

b) Về các trường hợp chỉ định thầu, đặt hàng

- Về đặt hàng: Các trường hợp đặt hàng đã được quy định tương đối đầy đủ tại Điều 106 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, tuy nhiên trong bối cảnh đất nước

đang đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, chiến lược đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về đặt hàng để triển khai các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm tính chất đặc thù, cấp bách, quan trọng quốc gia, yêu cầu quốc phòng, an ninh của dự án, gói thầu theo chủ trương, đường lối của Đảng tại Mục I.1 Tờ trình này, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" trong giai đoạn tới.

- Về chỉ định thầu:

+ Theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, các gói thầu có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay, gói thầu cần thực hiện để bảo đảm tính kết nối, đồng bộ giữa các công trình theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ được áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai phát sinh một số gói thầu có chỉ đạo thực hiện ngay tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhưng chưa được áp dụng chỉ định thầu.

Đồng thời, yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số" cũng đặt ra yêu cầu áp dụng cơ chế chỉ định thầu linh hoạt hơn đối với một số gói thầu triển khai ngay để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công.

Do đó, cần rà soát, hoàn thiện quy định này để bao quát đầy đủ các trường hợp chỉ định thầu phát sinh trong thực tiễn.

+ Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, các gói thầu xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được áp dụng hình thức chỉ định thầu. Tuy nhiên, quy định này chưa bao gồm gói thầu tư vấn, hỗn hợp (tư vấn và cung cấp hàng hóa EP) khi triển khai xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

+ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã sửa đổi quy định về hệ thống quy hoạch, trong đó bãi bỏ quy định "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành", đồng thời quy định quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Do vậy, cần sửa đổi quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP có liên quan đến "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành" để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng,

gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình tổng kết thi hành pháp luật về đấu thầu, các Bộ, ngành, địa phương[3] có ý kiến cho rằng hạn mức chỉ định thầu hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn, nhiều gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản nhưng chỉ vượt nhẹ hạn mức vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình lựa chọn nhà thầu, làm kéo dài thời gian tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, đối với nhiều gói thầu giá trị không lớn, tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu rất thấp, thậm chí không bù đắp được chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần thiết nghiên cứu điều chỉnh nâng hạn mức chỉ định thầu nhằm giảm thời gian, chi phí tổ chức thực hiện, nâng cao tính chủ động của cơ quan, đơn vị và đẩy nhanh tiến độ triển khai, giải ngân vốn đầu tư công.

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải đáp ứng điều kiện, quy trình chỉ định thầu.

Tuy nhiên, hạn mức 50 triệu đồng hiện nay cũng không còn phù hợp với mặt bằng giá cả, chi phí hàng hóa, dịch vụ trên thực tế, dẫn đến hạn chế tính chủ động, linh hoạt của cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

c) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu

- Quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mặc dù đã được cải cách nhưng thời gian thực hiện vẫn còn kéo dài, phức tạp (như lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với hình thức đặt hàng, danh mục sản phẩm đặt hàng vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành...). Do vậy, các quy định này cần tiếp tục xem xét sửa đổi để tăng cường phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu.

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định áp dụng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư mua sắm hàng hóa đúng chủng loại theo thủ tục đơn giản, nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn và phù hợp với khả năng tài chính.

Thực tiễn triển khai yêu cầu cần phải tiếp tục nghiên cứu nâng hạn mức áp dụng nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hình thức chào giá trực tuyến rút gọn, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, giảm chi phí tổ chức thực hiện, đặc biệt đối với các gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản, hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường.

---

[3] Bộ Tư pháp, các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi

- Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, đội ngũ cán bộ cấp xã phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn, trong khi năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tiễn, dẫn đến lúng túng trong triển khai công tác lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp. Do đó, cần nghiên cứu điều chỉnh yêu cầu về năng lực của tổ chuyên gia, tổ thẩm định để đáp ứng với thực tiễn phát sinh, đặc biệt các gói thầu quy mô nhỏ, đơn giản nhằm rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu.

- Các quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP cần được rà soát để kịp thời khắc phục khó khăn vướng mắc trong thực tiễn triển khai, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ ***khác*** được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này, cụ thể như sau:

+ Quy trình thủ tục đặt hàng hiện nay còn phức tạp; việc ký kết hợp đồng phải căn cứ vào giá đặt hàng trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành. Tuy nhiên, việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với một số sản phẩm, dịch vụ công chưa kịp thời gây khó khăn cho công tác xác định giá, giá dịch vụ đặt hàng, không đủ cơ sở để ký kết hợp đồng, ảnh hưởng đến việc bảo đảm tiến độ, tính liên tục của việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công.

+ Việc đặt hàng phải căn cứ vào dự toán giao hằng năm, trong khi dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích có tính chất thường xuyên, cần bảo đảm duy trì liên tục (chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị, thoát nước đô thị, duy trì đèn tín hiệu giao thông...). Do đó, việc phải lặp lại quy trình đặt hàng hằng năm đối với các dịch vụ mang tính chất thường xuyên, liên tục làm tăng thủ tục cho cơ quan đặt hàng, có nguy cơ gây gián đoạn dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích.

+ Việc nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sau khi hoàn thành gặp khó khăn do một số lĩnh vực chưa có hướng dẫn cụ thể; chưa có cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp.

d) Về nâng cao chất lượng hoạt động đấu thầu

- Thực tiễn triển khai cho thấy công tác quản lý, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng còn phát sinh một số vướng mắc. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa có đầy đủ thông tin phục vụ theo dõi, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ; đồng thời, một số quy định liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu phụ, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng còn có cách hiểu và áp dụng khác nhau. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về nhà thầu phụ, chuyển nhượng thầu.

- Hiện nay, việc tổ chức lấy báo giá để xây dựng giá gói thầu đối với hàng hóa nhập khẩu còn thiếu cơ sở để kiểm tra, đối chiếu tính hợp lý của báo giá trong

trường hợp hàng hóa không có dữ liệu để tham chiếu giá, một số trường hợp giá gói thầu có chênh lệch đáng kể so với giá nhập khẩu thực tế của hàng hóa khi được đưa vào Việt Nam. Điều này có thể dẫn đến không bảo đảm tính kinh tế, hiệu quả và khả năng kiểm soát chi phí của gói thầu, đặc biệt đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, giá gói thầu là một trong những căn cứ quan trọng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu được chỉ định mà không có sự cạnh tranh về giá.

đ) Về giải quyết kiến nghị, giám sát hoạt động đấu thầu

- Về giám sát hoạt động đấu thầu:

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đã quy định cơ chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập Nhóm 1, Nhóm 2 không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, nội dung giám sát bao gồm các gói thầu áp dụng chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy công tác giám sát hoạt động đấu thầu tại một số nơi còn chưa kịp thời, chưa phát huy đầy đủ hiệu quả phòng ngừa, cảnh báo và chấn chỉnh vi phạm, đặc biệt đối với các gói thầu áp dụng chỉ định thầu, đặt hàng và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; đồng thời chưa có công cụ tổng thể để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu theo thời gian thực trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Về giải quyết kiến nghị:

+ Tiếp tục số hóa việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nhà thầu có kiến nghị được hoàn trả số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy các khoản tiền nhà thầu nộp khi kiến nghị được sử dụng để chi trả các chi phí thực tế phục vụ hoạt động của Hội đồng giải quyết kiến nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP[4]. Việc xác định nội dung kiến nghị đúng hay sai chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất quá trình giải quyết, do đó tại thời điểm có kết luận, khoản tiền này cơ bản đã được sử dụng.

Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực chưa có quy định về nguồn kinh phí để thực hiện việc hoàn trả trong trường hợp kiến nghị được xác định là đúng; nếu hoàn trả sẽ phát sinh yêu cầu bố trí ngân sách nhưng chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai. Đồng thời, việc kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng không xuất phát từ lỗi của Hội đồng giải quyết kiến nghị, do đó, quy định về hoàn trả chi phí trong trường hợp này cần được rà soát, điều chỉnh cho

[4] Chi trực tiếp thù lao cho các thành viên Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, họp và các chi phí khác phục vụ giải quyết kiến nghị của nhà thầu.

phù hợp với thực tiễn thực hiện.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số"; phát triển kinh tế nhà nước...

2. Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian, đẩy nhanh tiến độ thực hiện gói thầu, dự án; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu.

3. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu, nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch của công tác đấu thầu, bảo đảm đồng bộ của hệ thống pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan.

4. Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động lựa chọn nhà thầu; tổ chức thực hiện hiệu quả mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định bao gồm: (i) Sửa đổi, bổ sung các nội dung để kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng; (ii) Nội dung sửa đổi, bổ sung để đơn giản hóa quy trình, thủ tục; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn.

- Đối tượng áp dụng của Nghị định là hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại Điều 2 Luật Đấu thầu.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP

ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ).

Điều 3. Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

3.1 Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

a) Về chỉ định thầu, đặt hàng

- Sửa đổi Điều 78 để bổ sung các trường hợp chỉ định thầu gồm:

+ Gói thầu áp dụng chỉ định thầu theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

+ Gói thầu thuộc dự án đầu tư công cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án;

+ Sửa đổi gói thầu xây dựng, mở rộng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu để bao quát tất cả gói thầu (hàng hóa, tư vấn, hỗn hợp...) bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của lĩnh vực KHCN ĐMST CĐS, Nghị quyết số 193/2025/QH15.

+ Sửa đổi gói thầu lĩnh vực quy hoạch để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về quy hoạch.

+ Nâng hạn mức áp dụng chỉ định thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án từ 500 triệu đồng lên 01 tỷ đồng, gói thầu thuộc dự án (không phân biệt loại gói thầu) từ 02 tỷ đồng lên 03 tỷ đồng.

- Sửa đổi Điều 79, Điều 80 để quy định việc gửi hồ sơ yêu cầu, dự thảo hợp đồng, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nộp hồ sơ đề xuất, mở thầu trên Hệ thống; công khai hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu trên Hệ thống.

Đồng thời bổ sung quy định yêu cầu nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam, qua đó tăng cường tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện hợp đồng, góp phần bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả của hình thức chỉ định thầu.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 80 theo hướng:

+ Quy định gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt không phải đáp ứng điều kiện chỉ định thầu[5], bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45a Luật Đầu tư công[6].

---

[5] Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt; kế hoạch bố trí vốn để thực hiện gói thầu; dự toán gói thầu được phê duyệt đối với trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định về việc lập dự toán.

[6] Chủ đầu tư dự án đầu tư công đặc biệt được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và được thực hiện dự án theo phương thức vừa thiết kế, vừa thi công và được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu,...

+ Nâng hạn mức giá trị gói thầu, nội dung mua sắm được cơ quan, đơn vị tự quyết định việc mua sắm từ không quá 50 triệu đồng lên không quá 100 triệu đồng nhằm đơn giản hóa thủ tục đối với các nhu cầu mua sắm thường xuyên, giá trị nhỏ; giảm thời gian, chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu.

+ Làm rõ gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn quy trình chỉ định thầu thông thường hoặc rút gọn.

- Sửa đổi Điều 106 để bổ sung các trường hợp đặt hàng nhằm thúc đẩy khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; hàng hóa, dịch vụ, công trình để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế.

- Ngoài ra, nhằm tạo sự đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho việc đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công trong nhiều năm, đơn giản hóa thủ tục đặt hàng, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP theo hướng:

+ Cho phép giá đặt hàng căn cứ giá thực hiện năm gần nhất hoặc giá tại thời điểm lập dự toán để ký hợp đồng đặt hàng; sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng thì các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng làm cơ sở thanh toán hợp đồng đặt hàng;

+ Quy định phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo;

+ Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) đối với sản phẩm, dịch vụ công (bao gồm dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thay vì chỉ chỉ quy định đối với dịch vụ sự nghiệp công.

+ Bổ sung quy định thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Về đơn giản quy trình, thủ tục, nâng cao chất lượng hoạt động lựa chọn nhà thầu

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 18 để quy định chủ đầu tư phải yêu cầu nhà thầu cung cấp báo giá kèm theo kèm theo thuyết minh các thành phần chi phí chủ yếu hình thành giá hàng hóa, bao gồm chi phí nhập khẩu, vận chuyển, bảo hiểm, thuế, chi phí phân phối, chi phí quản lý và các chi phí liên quan khác khi lập giá gói thầu.

- Sửa đổi khoản 2 và bổ sung khoản 2a Điều 21 để:

+ Không bắt buộc thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định phải có

chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và 03 năm công tác thuộc lĩnh vực quản lý đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng.

+ Làm rõ quy định "trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành trong quá trình lập, đánh giá, thẩm định... hồ sơ, kết quả thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu" được áp dụng đối với tất cả gói thầu mà không chỉ giới hạn gói thầu thuộc dự án KHCN ĐMST.

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 99 theo hướng nâng hạn mức áp dụng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn lên 03 tỷ đồng đối với dự toán mua sắm, 07 tỷ đồng đối với dự án.

- Sửa đổi khoản 6 Điều 109 để quy định tổ chức đặt hàng phải công khai thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng, qua đó bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện, đồng thời hình thành cơ sở dữ liệu về chất lượng, hiệu quả sử dụng hàng hóa, làm căn cứ phục vụ việc đánh giá, hoàn thiện tiêu chí kỹ thuật và lựa chọn nhà cung cấp trong các lần đặt hàng tiếp theo.

- Nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng; hạn chế hành vi chuyển nhượng thầu trái quy định; bảo đảm thống nhất trong nhận thức và tổ chức thực hiện khoản 2 Điều 35 và Điều 141 được chỉnh lý theo hướng:

+ Quy định trong quá trình quản lý hợp đồng, chủ đầu tư phải cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt.

+ Quy định rõ chủ đầu tư không phải đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt), nhà thầu phải chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

+ Bổ sung cách thức xác định tỷ lệ nhà thầu phụ đối với trường hợp nhà thầu liên danh để chủ đầu tư có cơ sở thực hiện trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu; cách xác định "phần công việc thuộc gói thầu" để làm cơ sở xác định hành vi chuyển nhượng thầu,.

+ Bổ sung quy định để làm rõ trường hợp nhà thầu ký hợp đồng để mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, hàng hóa, thiết bị, thuê thiết bị thi công, nhân sự từ các nhà cung cấp, cá nhân để thực hiện gói thầu thì các nhà cung cấp, cá nhân không phải là nhà thầu phụ, giá trị các công việc này không bị tính vào giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ.

c) Về giám sát hoạt động đấu thầu

Để tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", đồng thời kiểm soát rủi ro trong hoạt động đấu thầu, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền, Điều 131 và 132 được chỉnh lý theo hướng:

- Làm rõ cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên là Sở Tài chính và đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nhiệm vụ giám sát thường xuyên. Đồng thời, bổ sung quy định cơ quan giám sát thường xuyên thành lập đoàn giám sát hoặc đoàn kiểm tra đột xuất để giám sát, kiểm tra đối với các gói thầu nêu trên khi có dấu hiệu vi phạm.

- Bổ sung quy định về giám sát riêng của người có thẩm quyền đối với gói thầu quan trọng, cấp bách, thực hiện nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng gồm các nội dung về: tình hình, tiến độ, kết quả của việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng; đánh giá quá trình triển khai thực hiện gói thầu của nhà thầu trúng thầu, bảo đảm tuân thủ theo hợp đồng ký kết, đồng thời công khai kết quả giám sát trên Hệ thống.

- Làm rõ nội dung giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập Nhóm 1, Nhóm 2 không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, quy định các đơn vị này phải cập nhật thông tin về đấu thầu trên Hệ thống.

d) Về giải quyết kiến nghị

Nhằm tăng tính công khai, minh bạch, đơn giản quy trình giải quyết kiến nghị, bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu, Điều 138 được chỉnh lý theo hướng:

- Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư thì phải gửi trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc.

- Bộ phận thường trực của Hội đồng giải quyết kiến nghị trực tiếp công khai văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trên Hệ thống thay vì gửi văn bản đến chủ đầu tư để đăng tải. Đồng thời, Hệ thống dự kiến xây dựng chức năng cho phép nhà thầu được gửi đơn kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu đến bộ phận thường trực của Hội đồng giải quyết kiến nghị trên Hệ thống (hiện nay chỉ gửi trực tiếp bằng giấy).

- Bổ sung quy định chủ đầu tư, người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị có thể quyết định kéo dài thêm tối đa 07 ngày làm việc với kiến nghị có nhiều nội dung phức tạp nhằm bảo đảm có đủ thời gian xem xét, xác minh, thu thập thông tin, tài liệu liên quan, qua đó nâng cao chất lượng, tính chính xác, khách quan quá trình giải quyết kiến nghị.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định chỉnh lý nội dung kỹ thuật khác tại khoản 1 Điều 80, điểm a khoản 6 Điều 109, khoản 1 Điều 113, khoản 6 Điều 138 để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với dự thảo Nghị định.

3.2. Nội dung bổ sung

Bổ sung các trường hợp phát sinh trong thực tiễn cần áp dụng quy trình xử lý tình huống tại Điều 140 như:

- Sửa đổi quy định chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng với nhà thầu có nhân sự bị

Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu trúng thầu thì chỉ áp dụng chấm dứt hợp đồng đối với hợp đồng mà nhà thầu có nhân sự đó đang thực hiện mà không áp dụng đối với tất cả các hợp đồng.

- Gói thầu chỉ có 01 nhà thầu tham dự và hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hồ sơ mời thầu đối với hạng mục hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường chiếm tỷ trọng không quá 1% giá gói thầu.

- Trường hợp quá trình đánh giá kéo dài dẫn đến hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu hết hiệu lực, chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu, bảo đảm dự thầu tương ứng.

3.3. Nội dung lược bỏ

Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 15, sửa đổi khoản 4 Điều 138 để quy định nhà thầu không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp, bảo đảm phù hợp với thực tế sử dụng khoản chi phí này trong quá trình giải quyết kiến nghị và khắc phục vướng mắc về nguồn kinh phí hoàn trả, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện.

3.4. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp

Sửa đổi khoản 3 Điều 106 và bổ sung khoản 7 Điều 109 để quy định thủ trưởng cơ quan trung ương, người đứng đầu cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ đặt hàng thay vì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục; đồng thời quy định việc đặt hàng sản phẩm, hàng hóa khác ngoài sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3.5. Vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết.

Không có

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)*

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực để thi hành Luật

Các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định không làm phát sinh thủ tục hành chính mới theo đó không đặt ra các yêu cầu về việc phải bố trí nguồn nhân lực để tổ chức thực hiện. Các chính sách nêu trên khi Nghị định được ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh có trách nhiệm thực thi, không phát sinh thêm bộ máy, biên chế trong tổ chức thi hành Nghị định, không

có tác động liên quan đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới.

Các nguồn kinh phí phát sinh để thi hành Nghị định sẽ được cân đối từ: nguồn ngân sách trung ương và nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Điều kiện bảo dảm cho việc thi hành

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Bộ Tài chính ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị định: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục Nghị định và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định mới của Nghị định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị định.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị định, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị định sau khi được ban hành.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện:

Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị định và các văn bản pháp quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định

(Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định;

(2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan;

(3) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn;

(4) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo;

(5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu giải trình ý kiến góp ý;

(6) Báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Cục QLĐT (ML).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ...../2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày...tháng...năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 133/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

1. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 15.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 18 như sau:

"d) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá.

Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến

về quản lý thiết bị y tế; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn.

Đối với hàng hóa, dịch vụ khác, chủ đầu tư được đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc tổ chức lấy báo giá theo cách thức khác; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 05 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Đối với hàng hóa nhập khẩu không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản này, khi tổ chức lấy báo giá, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp báo giá kèm theo thuyết minh các thành phần chi phí chủ yếu hình thành giá hàng hóa, bao gồm chi phí nhập khẩu, vận chuyển, bảo hiểm, thuế, chi phí phân phối, chi phí quản lý và các chi phí liên quan khác (nếu có);".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 21 như sau:

"2. Đối với gói thầu thuộc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; dự án ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng, chủ đầu tư quyết định lựa chọn thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định bảo đảm có năng lực thực hiện công việc được giao mà không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này, trừ trường hợp thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định là tư vấn cá nhân hoặc cá nhân thuộc tổ chức tư vấn đấu thầu.

2a. Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

"2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).".

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 78 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 như sau:

"a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước; Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước; Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:

"g) Gói thầu thuộc dự án đầu tư công và các trường hợp khác cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

"d) Gói thầu thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê, mua sắm dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai, xây dựng, mở rộng, nâng cấp: cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương; hệ thống quản lý văn bản, điều hành, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bộ, tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; trung tâm giám sát, điều hành thông minh; hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của quốc gia, bộ, địa phương; các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng; gói thầu thuộc dự án có giá gói thầu không quá 03 tỷ đồng.";

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:

"e) Các gói thầu phục vụ công tác quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan về quy hoạch;".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 79 như sau:

"3. Quy trình chỉ định thầu thông thường được thực hiện như sau:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu (nếu có). Chủ đầu tư không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Nghị định này.

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu.

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có).

Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư quy định trong hồ sơ yêu cầu mức tỷ lệ tiết kiệm của giá đề nghị trúng thầu để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất.

b) Phát hành, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này.

Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Hồ sơ yêu cầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu dự kiến chỉ định. Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu, sửa đổi hồ sơ yêu cầu được thực hiện Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày có thời điểm đóng thầu.

c) Nộp hồ sơ đề xuất, đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo với nhà thầu:

Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sau thời điểm đóng thầu, trường hợp cần thiết có thể mở thầu ngay sau khi nhà thầu nộp hồ sơ đề xuất trước thời điểm đóng thầu. Biên bản mở thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao gồm các nội dung: tên nhà thầu; giá dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất; thời gian thực hiện gói thầu.

Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của hồ sơ yêu cầu và thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Trong quá trình thương thảo, đối với gói thầu có cấu phần mua sắm hàng hóa, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa nhập khẩu, nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam.

Căn cứ báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo trong quá trình đánh giá, nội dung làm rõ, bổ sung hồ sơ đề xuất, chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với nhà thầu.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.

d) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136 của Nghị định này. Việc phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này. Hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu được tự động công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.

đ) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả

chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này.

Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế, các nội dung thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quy định tại điểm a, b, c, d khoản này được thực hiện trực tiếp giữa chủ đầu tư và nhà thầu và không phải thực hiện đối chiếu tài liệu.".

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 80 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có khả năng thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, trừ gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 Nghị định này.";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

"a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu:

Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trực tiếp đến nhà thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó;";

d) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế; đối với gói thầu xây lắp thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu. Đối với gói thầu có cấu phần mua sắm hàng hóa, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa nhập khẩu, nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam.

Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này;";

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 100 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.";

e) Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

"6. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng quy trình quy định tại khoản 3 Điều 79 của Nghị định này hoặc khoản 3 Điều này.".

8. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 Điều 99 như sau:

"a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá 03 tỷ đồng đối với dự toán mua sắm, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này;

b) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá 07 tỷ đồng đối với dự án;".

9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 106 như sau

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

"a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc nhóm công nghệ chiến lược của các ngành, lĩnh vực; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm; các dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ;";

b) Bổ sung điểm e vào sau điểm d khoản 2 như sau:

"e) Hàng hoá, dịch vụ, công trình được đặt hàng để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Thủ trưởng cơ quan trung ương, người đứng đầu cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ đặt hàng trong phạm vi quản lý theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, trừ trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác.".

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 109 như sau:

a) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

"7. Việc đặt hàng quy định tại khoản 2 Điều 106 của Nghị định này không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng và thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước

a) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm: tiến độ thực hiện; chất lượng hàng hóa, dịch vụ; vi phạm hợp đồng đặt hàng và lý do vi phạm; các thông tin khác (nếu cần thiết). Thời gian đăng tải có thể trong hoặc sau thời thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ***thực hiện hợp đồng*** đặt hàng;

b) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định này. Thời gian công khai là sau thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng đặt hàng.".

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 113 như sau:

"1. Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư (hoặc đơn vị được ủy quyền) với nhà thầu là hợp đồng dân sự và được xác lập bằng văn bản. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền (sau đây gọi là đại diện hợp pháp) của nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng; đối với nhà thầu liên danh, đại diện hợp pháp của các thành viên liên danh chịu trách nhiệm ký hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Đấu thầu. Hợp đồng đã được các bên ký kết, có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật là cơ sở pháp lý cao nhất ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng và để giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có).

Nội dung của hợp đồng phải được lập theo mẫu quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đồng thời phù hợp với hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), kết quả hoàn thiện hợp đồng, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở yêu cầu của gói thầu và quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).".

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 131 như sau:

a) Bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 2 như sau:

"k) Đối với gói thầu có tính chất quan trọng, trọng điểm thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và b1 khoản 3 Điều này, ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản này, nội dung giám sát gồm: tình hình, tiến độ, kết quả của việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng; đánh giá quá trình triển khai thực hiện gói thầu của nhà thầu trúng thầu, bảo đảm tuân thủ theo hợp đồng ký kết.";

b) Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 3 như sau:

"b1) Hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án được áp dụng đặt hàng;";

c) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 như sau:

"đ) Gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, b1, c và d khoản này nhưng người có thẩm quyền quyết định thực hiện giám sát (nếu cần thiết).";

d) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

"c) Báo cáo kết quả giám sát: cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát báo cáo bằng văn bản đến người có thẩm quyền về kết quả giám sát và công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định pháp luật về đấu thầu, pháp luật có liên quan, cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát phải đề xuất người có thẩm quyền về biện pháp xử lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả của gói thầu.".

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 132 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương

Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương là Sở Tài chính, đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nhiệm vụ giám sát thường xuyên (sau đây gọi là cơ quan giám sát thường xuyên) thực hiện giám sát các hoạt động sau đây:

a) Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành, địa phương;

b) Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành, địa phương.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 như sau:

"4. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này

a) Thông tin về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được gửi tới cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc theo kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân;

b) Cơ quan giám sát thường xuyên có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các thông tin theo quy định tại điểm a khoản này để đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện gói thầu, dự án;

c) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu, Cơ quan giám sát thường xuyên có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư rà soát, kiểm tra để kịp thời xử lý và báo cáo Cơ quan giám sát thường xuyên về kết quả xử lý. Đối với gói thầu thuộc nội dung giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu quy định tại điểm a khoản 3 Điều này hoặc trường hợp cần thiết, cơ quan giám sát thường xuyên thành lập đoàn giám sát hoặc đoàn kiểm tra đột

xuất để giám sát, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu và kịp thời có biện pháp xử lý theo quy định;

d) Trường hợp có bằng chứng về hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân, cơ quan giám sát thường xuyên có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư, người có thẩm quyền xem xét, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và có văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.".

5. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này

a) Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên cập nhật thông tin về hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các thông tin được cập nhật bao gồm: tình hình chung về hoạt động lựa chọn nhà thầu tại doanh nghiệp, đơn vị; hiệu quả trong công tác đấu thầu, mua sắm; kết quả thực hiện đối với các gói thầu thuộc dự án gồm: số lượng nhà thầu tham dự thầu, giải quyết kiến nghị, kết quả lựa chọn nhà thầu và các nội dung cần thiết khác; tiến độ, kết quả triển khai công tác đấu thầu tại các dự án quan trọng, trọng điểm của doanh nghiệp, đơn vị trong quý (nếu có); dự kiến các hoạt động đấu thầu, mua sắm quan trọng trong quý tiếp theo (nếu có); thông tin khác (nếu có);

b) Cơ quan giám sát thường xuyên tiếp nhận các thông tin quy định tại điểm a khoản này trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc các thông tin kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân được gửi đến (nếu có) để tổng hợp, theo dõi và khuyến nghị các biện pháp cần thiết để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu;

c) Cơ quan giám sát thường xuyên tổ chức Đoàn giám sát để thực hiện giám sát đối với các hoạt động lựa chọn nhà thầu khi có dấu hiệu không đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.".

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 138 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đến chủ đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07

ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây:

a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin của nhà thầu gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập. Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.

b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng

đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.

Trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị đồng thời đến bộ phận thường trực và chủ đầu tư thì trách nhiệm giải quyết kiến nghị thuộc Hội đồng giải quyết kiến nghị.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Văn bản giải quyết kiến nghị phải có kết luận về nội dung mà nhà thầu kiến nghị; trường hợp kiến nghị được kết luận là đúng thì trong văn bản giải quyết kiến nghị phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có). Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng thì văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do. Trong mọi trường hợp nhà thầu kiến nghị không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp.";

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Đối với việc giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền.";

đ) Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 như sau:

"8. Đối với kiến nghị có nhiều nội dung phức tạp, chủ đầu tư, người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị có thể quyết định kéo dài thêm tối đa 07 ngày làm việc. ".

15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 140 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 25 như sau:

"25. Trong quá trình nhà thầu thực hiện hợp đồng tại các gói thầu mà nhân sự của nhà thầu (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu đó trúng thầu thì chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu; nhà thầu chỉ được thanh toán đối với các phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu theo quy định trong hợp đồng. Nhà thầu bị coi là không hoàn thành hợp đồng và bị đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trong thông báo phải nêu rõ lý do vi phạm dẫn tới phải chấm dứt hợp đồng; đối với phần công việc chưa thực hiện, chủ đầu tư tiến hành chỉ định thầu theo quy định tại điểm đ khoản 20 Điều này hoặc tách thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật.";

b) Bổ sung khoản 33a và 33b vào sau khoản 33 như sau:

"33a. Trường hợp gói thầu chỉ có một tham dự thầu nhà thầu và có hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hồ sơ mời thầu đối với hạng mục hàng hóa là vật tư, thiết bị thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường với tổng giá trị các hạng mục hàng hóa này trong giá gói thầu chiếm tỷ trọng không quá 1% giá gói thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế các hàng hóa đó. Việc bổ sung, thay thế không được làm thay đổi đơn giá của hàng hóa đã chào.

33b. Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất bị kéo dài dẫn đến hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu hết hiệu lực, chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu, bảo đảm dự thầu tương ứng. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận hoặc từ chối việc khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, bảo đảm dự thầu thì nhà thầu không bị xử lý theo các quy định của pháp luật về đấu thầu.";

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 34 như sau:

"34. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản ***33b*** Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.".

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 141 như sau:

"2. Quản lý nhà thầu phụ:

a) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quy định tỷ lệ phần trăm về giá trị tối đa sử dụng nhà thầu phụ trên giá dự thầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Nhà thầu được đề xuất các phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ, tên nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, việc đề xuất phải bảo đảm không vượt giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu chưa xác định được tên nhà thầu phụ dự kiến thực hiện thì nhà thầu có thể không nêu tên nhà thầu phụ nhưng phải nêu rõ phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Phần công việc có thể là một hoặc nhiều hạng mục công việc hoặc một phần khối lượng trong hạng mục công việc của gói thầu;

b) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện công việc quan trọng của gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, việc đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt được thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu

không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt;

c) Trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu phải thống nhất mức tỷ lệ phần trăm sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu được đề xuất thay đổi tên nhà thầu thầu phụ, tăng hoặc giảm phần công việc, giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng bảo đảm không vượt giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu để làm cơ sở ký kết hợp đồng;

d) Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hoặc các nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để thực hiện các công việc dự kiến sử dụng nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện;

đ) Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt) hoặc thay đổi phần công việc, giá trị công việc do nhà thầu phụ thực hiện nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và phải bảo đảm không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; chủ đầu tư không đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt), nhà thầu chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm dành cho nhà thầu phụ được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh;

e) Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu với nhà thầu phụ;

g) Nhà thầu không được sử dụng hoặc ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần công việc thuộc trách nhiệm của mình sau khi đã trừ đi giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;

h) Nhà thầu được ký hợp đồng để mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, hàng hóa, thiết bị, thuê thiết bị thi công, nhân sự từ các nhà cung cấp, cá nhân để thực hiện gói thầu. Trong trường hợp này, các nhà cung cấp, cá nhân không phải là nhà thầu phụ, giá trị các công việc này không bị tính vào giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ và không bị coi là vi phạm quy

định tại điểm g khoản này.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 13 như sau:

"1. Dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao. Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 14 như sau:

"d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị căn cứ giá thực hiện năm gần nhất hoặc giá tại thời điểm lập dự toán để ký hợp đồng đặt hàng.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng theo quy định.".

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 18 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Dự toán được cấp có thẩm quyền giao đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.";

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Đơn giá, giá đặt hàng; mức trợ giá được xác định theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công ích có thu phí thì theo mức thu phí do Nhà nước quy định.".

4. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 19 như sau:

"c) Giá, đơn giá, mức trợ giá. Trong đó: giá, đơn giá đặt hàng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.

Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị căn cứ giá thực hiện năm gần nhất hoặc giá tại thời điểm lập dự toán để ký hợp đồng đặt hàng.

Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, xác định mức trợ giá theo quy định.".

5. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 26 như sau:

"b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng làm cơ sở ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp đối với những danh mục sản phẩm, dịch vụ công các bộ, cơ quan trung ương chưa ban hành hoặc không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) hoặc ban hành không phù hợp với thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý để thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Ban hành, sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của địa phương.".

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Điều khoản chuyển tiếp

a) Gói thầu đã phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn danh sách ngắn, lựa chọn nhà thầu, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và được áp dụng quy định tại khoản 15 Điều 1 của Nghị định này;

b) Đối với gói thầu đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và có nội dung không phù hợp với quy

định của Nghị định này thì phải phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu để phù hợp với quy định của Nghị định này.

c) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu có hạng mục nhà thầu chào hàng hóa nhập khẩu nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa ký hợp đồng thì nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;s
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

TM. CHÍNH PHỦ

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /BC-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

BÁO CÁO
BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại văn bản số 2366/VPCP-KTKH ngày 18/3/2026 và Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại văn bản số 3046/VPCP-CN ngày 06/4/2026, Bộ Tài chính đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) với kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

1.1. Cơ sở chính trị

- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng giao Bộ Tài chính *"ban hành cơ chế, chính sách giao, đặt hàng khu vực tư nhân tham gia vào các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, dự án, công trình, nhiệm vụ quan trọng quốc gia, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh"*.

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính

quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" giao Đảng ủy Bộ Tài chính *"Thể chế hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế"*.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã xác định chủ trương: *"Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số..."* và đặt ra các nhiệm vụ *"tập trung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp."*.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã xác định chủ trương: *"Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển"*.

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra nhiệm vụ *"hoàn thiện cơ chế phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, nhất là trong đầu tư, mua sắm, đấu thầu, triển khai các dự án năng lượng, nhất là các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải."*.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước đặt ra nhiệm vụ *"đơn giản hoá quy trình, thủ tục đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu"*.

- Tại điểm 2 Nghị quyết số 192/2025/QH15 ngày 19/2/2025 về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên, Quốc hội yêu cầu: *"Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng "vừa quản lý chặt chẽ, vừa kiến tạo phát triển", từ bỏ tư duy "không quản được thì cấm"; đề cao phương pháp "quản lý theo kết quả", chuyển mạnh từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát."*.

- Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 của Chính phủ về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng - xanh - sạch - đẹp giao Bộ Tài chính *"rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung chính sách về thuế, phí, đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên đảm bảo thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia ổn định,*

lâu dài vào hoạt động thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý rác thải trong trường hợp cần thiết.".

1.2. Cơ sở pháp lý

Theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ ban hành nghị định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc để quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại văn bản số 2366/VPCP-KTKH ngày 18/3/20261 và văn bản số 3046/VPCP-CN ngày 06/4/20262 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà, đồng ý bổ sung Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu vào Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thời hạn trình Chính phủ tháng 7/2026.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Nghị định này đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Tài chính đã rà soát một số nội dung cần được sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các Nghị định, cụ thể gồm:

a) Về tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động đấu thầu

- Để bảo đảm phù hợp với chủ trương của Nghị quyết số 57/NQ-TW, Nghị quyết số 68/NQ-TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15, Nghị quyết số 198/2025/QH15, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đã mở rộng các trường hợp áp dụng đặt hàng, chỉ định thầu, đáp ứng tính đặc thù của từng lĩnh vực như khoa

---

[1] Bổ sung Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu vào Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thời hạn trình Chính phủ tháng 5/2026

[2] Đồng ý điều chỉnh lùi thời hạn trình Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP; Nghị định thay thế Nghị định số 95/2020/NĐ-CP; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đến tháng 7/2026

học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN ĐMST CĐS), quốc phòng, an ninh... gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, phù hợp với chủ trương chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm".

Tuy nhiên, quy trình chỉ định thầu hiện nay thực hiện theo phương thức truyền thống bằng hồ sơ giấy tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tình trạng hợp thức hóa hồ sơ, mức độ công khai, minh bạch còn hạn chế, chủ yếu dừng ở công khai kết quả lựa chọn nhà thầu, chưa có cơ chế bắt buộc công khai đầy đủ hồ sơ, quá trình lựa chọn nhà thầu và kết quả thực hiện hợp đồng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ đặt hàng.

Đồng thời, tại văn bản số 785/VPCP-CN ngày 27/02/2026 (Tối mật) của Văn phòng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà yêu cầu Bộ Tài chính nghiên cứu một số đề xuất liên quan đến lĩnh vực đấu thầu để chủ động xử lý theo quy định như: tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước về đấu thầu, rà soát các trường hợp chỉ định thầu, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu; đơn giản hóa quy trình, thủ tục...

Tại Báo cáo đề xuất các giải pháp chiến lược thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số", Đảng ủy Bộ Tài chính đặt ra nhiệm vụ "đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong cơ chế đặt hàng, công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng trên các nền tảng số sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí giao dịch và hạn chế tiêu cực".

Căn cứ các nội dung nêu trên, Bộ Tài chính nhận thấy cần thiết phải rà soát, nghiên cứu các quy định về công khai thông tin trong đấu thầu, đặc biệt là chỉ định thầu, đặt hàng để tăng cường hơn nữa tính minh bạch trong việc áp dụng các hình thức này.

b) Về các trường hợp chỉ định thầu, đặt hàng

- Về đặt hàng: Các trường hợp đặt hàng đã được quy định tương đối đầy đủ tại Điều 106 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, tuy nhiên trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư các công trình, dự án trọng điểm, chiến lược đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về đặt hàng để triển khai các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm tính chất đặc thù, cấp bách, quan trọng quốc gia, yêu cầu quốc phòng, an ninh của dự án, gói thầu theo chủ trương, đường lối của Đảng tại Mục I.1 Báo cáo này, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" trong giai đoạn tới.

- Về chỉ định thầu:

+ Theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, các gói thầu có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay, gói thầu cần thực hiện để bảo đảm tính kết nối, đồng bộ giữa các công trình theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ được áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai phát sinh một số gói thầu có chỉ đạo thực hiện ngay tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhưng chưa được áp dụng chỉ định thầu.

Đồng thời, yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số" cũng đặt ra yêu cầu áp dụng cơ chế chỉ định thầu linh hoạt hơn đối với một số gói thầu triển khai ngay để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công.

Do đó, cần rà soát, hoàn thiện quy định này để bao quát đầy đủ các trường hợp chỉ định thầu phát sinh trong thực tiễn.

+ Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, các gói thầu xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được áp dụng hình thức chỉ định thầu. Tuy nhiên, quy định này chưa bao gồm gói thầu tư vấn, hỗn hợp (tư vấn và cung cấp hàng hóa EP) khi triển khai xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

+ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã sửa đổi quy định về hệ thống quy hoạch, trong đó bãi bỏ quy định "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành", đồng thời quy định quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

Do vậy, cần sửa đổi quy định tại Nghị định số 214/2025/NĐ-CP có liên quan đến "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành" để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 78 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình tổng kết thi hành pháp luật về đấu thầu, các Bộ, ngành, địa phương[3] có ý kiến cho rằng hạn mức chỉ định thầu hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn, nhiều gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản nhưng chỉ vượt nhẹ hạn mức vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình lựa chọn nhà thầu, làm kéo dài thời gian tổ chức thực hiện.

Bên cạnh đó, đối với nhiều gói thầu giá trị không lớn, tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu rất thấp, thậm chí không bù đắp được chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần thiết nghiên cứu điều chỉnh nâng hạn mức chỉ định thầu nhằm giảm thời gian, chi phí tổ chức thực hiện, nâng cao tính chủ động của cơ quan, đơn vị và đẩy nhanh tiến độ triển khai, giải ngân vốn đầu tư công.

---

[3] Bộ Tư pháp, các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi

+ Theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải đáp ứng điều kiện, quy trình chỉ định thầu.

Tuy nhiên, hạn mức 50 triệu đồng hiện nay cũng không còn phù hợp với mặt bằng giá cả, chi phí hàng hóa, dịch vụ trên thực tế, dẫn đến hạn chế tính chủ động, linh hoạt của cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

c) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu

- Quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP mặc dù đã được cải cách nhưng thời gian thực hiện vẫn còn kéo dài, phức tạp (như lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với hình thức đặt hàng, danh mục sản phẩm đặt hàng vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành...). Do vậy, các quy định này cần tiếp tục xem xét sửa đổi để tăng cường phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu.

- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định áp dụng hình thức chào giá trực tuyến rút gọn để tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư mua sắm hàng hóa đúng chủng loại theo thủ tục đơn giản, nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn và phù hợp với khả năng tài chính.

Thực tiễn triển khai yêu cầu cần phải tiếp tục nghiên cứu nâng hạn mức áp dụng nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hình thức chào giá trực tuyến rút gọn, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, giảm chi phí tổ chức thực hiện, đặc biệt đối với các gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản, hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường.

- Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, đội ngũ cán bộ cấp xã phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn, trong khi năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tiễn, dẫn đến lúng túng trong triển khai công tác lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp. Do đó, cần nghiên cứu điều chỉnh yêu cầu về năng lực của tổ chuyên gia, tổ thẩm định để đáp ứng với thực tiễn phát sinh, đặc biệt các gói thầu quy mô nhỏ, đơn giản nhằm rút ngắn thời gian lựa chọn nhà thầu.

- Các quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP cần được rà soát để kịp thời khắc phục khó khăn vướng mắc trong thực tiễn triển khai, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ ***khác*** được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.

d) Về nâng cao chất lượng hoạt động đấu thầu

- Thực tiễn triển khai cho thấy công tác quản lý, giám sát việc sử dụng nhà

thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng còn phát sinh một số vướng mắc. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa có đầy đủ thông tin phục vụ theo dõi, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ; đồng thời, một số quy định liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu phụ, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng còn có cách hiểu và áp dụng khác nhau. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về nhà thầu phụ, chuyển nhượng thầu.

- Hiện nay, việc tổ chức lấy báo giá để xây dựng giá gói thầu đối với hàng hóa nhập khẩu còn thiếu cơ sở để kiểm tra, đối chiếu tính hợp lý của báo giá do chưa có đầy đủ thông tin về giá nhập khẩu và các chi phí cấu thành giá hàng hóa, một số trường hợp giá gói thầu có chênh lệch đáng kể so với giá nhập khẩu thực tế của hàng hóa khi được đưa vào Việt Nam. Điều này có thể dẫn đến không bảo đảm tính kinh tế, hiệu quả và khả năng kiểm soát chi phí của gói thầu, đặc biệt đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, giá gói thầu là một trong những căn cứ quan trọng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu được chỉ định mà không có sự cạnh tranh về giá.

đ) Về giải quyết kiến nghị, giám sát hoạt động đấu thầu

- Về giám sát hoạt động đấu thầu:

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP đã quy định cơ chế giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập Nhóm 1, Nhóm 2 không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, nội dung giám sát bao gồm các gói thầu áp dụng chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy công tác giám sát hoạt động đấu thầu tại một số nơi còn chưa kịp thời, chưa phát huy đầy đủ hiệu quả phòng ngừa, cảnh báo và chấn chỉnh vi phạm, đặc biệt đối với các gói thầu áp dụng chỉ định thầu, đặt hàng và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; đồng thời chưa có công cụ tổng thể để cơ quan quản lý nhà nước thực hiện giám sát hoạt động đấu thầu theo thời gian thực trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Về giải quyết kiến nghị:

+ Tiếp tục số hóa việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nhà thầu có kiến nghị được hoàn trả số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy các khoản tiền nhà thầu nộp khi kiến nghị được sử dụng để chi trả các chi phí thực tế phục vụ hoạt động của Hội đồng giải quyết kiến nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số

214/2025/NĐ-CP[4]. Việc xác định nội dung kiến nghị đúng hay sai chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất quá trình giải quyết, do đó tại thời điểm có kết luận, khoản tiền này cơ bản đã được sử dụng.

Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực chưa có quy định về nguồn kinh phí để thực hiện việc hoàn trả trong trường hợp kiến nghị được xác định là đúng; nếu hoàn trả sẽ phát sinh yêu cầu bố trí ngân sách nhưng chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai. Đồng thời, việc kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng không xuất phát từ lỗi của Hội đồng giải quyết kiến nghị, do đó, quy định về hoàn trả chi phí trong trường hợp này cần được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn thực hiện.

3. Mục đích, yêu cầu đánh giá

3.1. Mục đích: Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, hiệu quả của thủ tục hành chính; tính phù hợp trong phân quyền, phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tác động đến bình đẳng giới và việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

3.2. Yêu cầu: Nội dung đánh giá khách quan, đầy đủ, bám sát thực tiễn và phù hợp quy định pháp luật.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát, đối với dự thảo Nghị định không phát sinh quy định thủ tục hành chính.

- Đối với thủ tục nội bộ, dự thảo Nghị định cắt giảm thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với hình thức đặt hàng.

2. Việc phân quyền, phân cấp

Sửa đổi khoản 3 Điều 106 và bổ sung khoản 7 Điều 109 để quy định thủ trưởng cơ quan trung ương, người đứng đầu cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ đặt hàng thay vì trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục.

---

[4] Chi trực tiếp thù lao cho các thành viên Hội đồng để thực hiện nhiệm vụ, chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, họp và các chi phí khác phục vụ giải quyết kiến nghị của nhà thầu.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tiếp tục thể chế hóa tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Dự thảo Nghị định sửa đổi Điều 79, Điều 80 để quy định việc gửi hồ sơ yêu cầu, dự thảo hợp đồng, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nộp hồ sơ đề xuất, mở thầu trên Hệ thống; công khai hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu trên Hệ thống.

Như vậy, ngoài hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với hình thức chỉ định thầu sẽ tiếp tục được thiết kế và triển khai trên môi trường điện tử, đảm bảo thực hiện đơn giản hóa thủ tục, phù hợp với định hướng phát triển Chính phủ số, kinh tế số, đồng thời hiện thực hóa các chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, tiếp tục nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động đấu thầu.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định không có nội dung sửa đổi liên quan đến các chính sách bảo đảm bình đẳng giới. Do đó, Bộ Tài chính không đánh giá về nội dung này.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị định không có nội dung sửa đổi liên quan đến các chính sách dân tộc. Do đó, Bộ Tài chính không đánh giá về nội dung này./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, QLĐT (b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC QUẢN LÝ ĐẤU THẦU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày...tháng...năm...

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU VỚI NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU	NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 214/2025/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 8 NĂM 2025 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU	THUYẾT MINH
Điều 15. Nội dung chi cho Hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu về kết quả lựa chọn nhà thầu		
Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3		
2. Nhà thầu có kiến nghị được hoàn trả số tiền bằng số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp trong trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng. 3. Nhà thầu không được hoàn trả số tiền mà nhà thầu có kiến nghị đã nộp trong các trường hợp sau: a) Một hoặc các nội dung kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng; b) Nhà thầu rút đơn kiến nghị trong quá trình giải quyết kiến nghị.	**Bãi bỏ**	Thực tiễn triển khai cho thấy các khoản tiền nhà thầu nộp khi kiến nghị được sử dụng để chi trả các chi phí thực tế phục vụ hoạt động của Hội đồng giải quyết kiến nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Việc xác định nội dung kiến nghị đúng hay sai chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất quá trình giải quyết, do đó tại thời điểm có kết luận, khoản tiền này cơ bản đã được sử dụng. Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật quản

		lý ngành, lĩnh vực chưa có quy định về nguồn kinh phí để thực hiện việc hoàn trả trong trường hợp kiến nghị được xác định là đúng; nếu hoàn trả sẽ phát sinh yêu cầu bố trí ngân sách nhưng chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai. Đồng thời, việc kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng không xuất phát từ lỗi của Hội đồng giải quyết kiến nghị, do đó, quy định về hoàn trả chi phí trong trường hợp này cần được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn thực hiện. Do đó, dự thảo Nghị định quy định nhà thầu không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp, bảo đảm phù hợp với thực tế sử dụng khoản chi phí này trong quá trình giải quyết kiến nghị và khắc phục vướng mắc về nguồn kinh phí hoàn trả, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện
Điều 18. Giá gói thầu và thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu		
Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18		
d) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá. Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên cổng thông tin điện	d) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá; trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá. Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên cổng thông tin điện	Hiện nay, việc tổ chức lấy báo giá để xây dựng giá gói thầu đối với hàng hóa nhập khẩu còn thiếu cơ sở để kiểm tra, đối chiếu tính hợp lý của báo giá do chưa có đầy đủ thông tin về giá nhập khẩu và các chi phí cấu thành giá hàng hóa, một số trường hợp giá gói thầu có chênh lệch đáng kể so với giá nhập khẩu thực tế của hàng hóa khi được đưa vào Việt Nam. Điều này có thể dẫn đến không bảo đảm tính kinh tế, hiệu quả và khả năng kiểm

từ hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn. Đối với hàng hóa, dịch vụ khác, chủ đầu tư được đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc tổ chức lấy báo giá theo cách thức khác; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 05 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.	từ hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn. Đối với hàng hóa, dịch vụ khác, chủ đầu tư được đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc tổ chức lấy báo giá theo cách thức khác; nhà thầu quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 05 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá. ***Đối với hàng hóa nhập khẩu mà không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá bao gồm các thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều này thì, khi chủ đầu tư tổ chức lấy báo giá phải, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp báo giá kèm theo phân tích cơ cấuthuyết minh các thành phần chi phí chủ yếu hình thành giá của hàng hóa, bao gồm thông tin về chi phí nhập khẩu, vận chuyển, bảo hiểm, thuế, chi phí phân phối,***	soát chi phí của gói thầu, đặc biệt đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, giá gói thầu là một trong những căn cứ quan trọng để thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu được chỉ định mà không có sự cạnh tranh về giá.

	chi phí quản lý, thuế, lợi nhuận và các thông tin cần thiết chi phí liên quan khác (nếu có);	
Điều 21. Điều kiện năng lực, kinh nghiệm đối với tổ chuyên gia, tổ thẩm định		
Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2		
2. Đối với gói thầu thuộc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; dự án ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, chủ đầu tư quyết định lựa chọn thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định bảo đảm có năng lực thực hiện công việc được giao mà không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này, trừ trường hợp thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định là tư vấn cá nhân hoặc cá nhân thuộc tổ chức tư vấn đấu thầu. Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.	2. Đối với gói thầu thuộc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; dự án ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, ***gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng,*** chủ đầu tư quyết định lựa chọn thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định bảo đảm có năng lực thực hiện công việc được giao mà không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều này, trừ trường hợp thành viên tổ chuyên gia, tổ thẩm định là tư vấn cá nhân hoặc cá nhân thuộc tổ chức tư vấn đấu thầu. ~~Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.~~ ***2a. Trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.***	- Làm rõ quy định "trường hợp cần ý kiến của chuyên gia chuyên ngành trong quá trình lập, đánh giá, thẩm định... hồ sơ, kết quả thì các chuyên gia này không bắt buộc có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu" được áp dụng đối với tất cả gói thầu mà không chỉ giới hạn gói thầu thuộc dự án KHCN.ĐMST. - Không bắt buộc thành viên tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định phải có chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu và 03 năm công tác thuộc lĩnh vực quản lý đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng để đáp ứng với thực tiễn phát sinh sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, đội ngũ cán bộ cấp xã phải đảm nhiệm khối lượng công việc lớn hơn, trong khi năng lực của một bộ phận cán bộ cơ sở chưa đáp ứng kịp yêu cầu thực tiễn, dẫn đến lúng túng trong triển khai công tác lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo thẩm quyền được phân cấp.
Điều 35. Quản lý thực hiện hợp đồng		
2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. ***Trong quá***	Thực tiễn triển khai cho thấy công tác quản lý, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng còn phát sinh một số vướng

	trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).	mắc. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa có đầy đủ thông tin phục vụ theo dõi, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ; đồng thời, một số quy định liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu phụ, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng còn có cách hiểu và áp dụng khác nhau. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về nhà thầu phụ, chuyển nhượng thầu. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về quản lý nhà thầu phụ nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng; hạn chế hành vi chuyển nhượng thầu trái quy định; bảo đảm thống nhất trong nhận thức và tổ chức thực hiện.
Điều 78. Các trường hợp chỉ định thầu		
Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và g khoản 2		
a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo; b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý	a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay ***để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo*** tại ***Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước;*** Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ ~~để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo~~, ***Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ***	Thực tiễn triển khai phát sinh một số gói thầu có chỉ đạo thực hiện ngay tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, Ban chấp hành Đảng bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhưng chưa được áp dụng chỉ định thầu. Đồng thời, yêu cầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư công phục

kiến của lãnh đạo Chính phủ để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;	***tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh***; b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại ***Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước;*** Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ, ***Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*** để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;	vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số" cũng đặt ra yêu cầu áp dụng cơ chế chỉ định thầu linh hoạt hơn đối với một số gói thầu triển khai ngay để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân vốn đầu tư công (Thông báo số 213/TB-VPCP ngày 25/4/2026 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị toàn quốc đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công năm 2026).
g) Các trường hợp khác cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.	**g) *Gói thầu thuộc dự án đầu tư công* và các** trường hợp khác cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.	
Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3		
d) Gói thầu xây dựng, mở rộng, nâng cấp: cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương; hệ thống quản lý văn bản, điều hành, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bộ, tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; trung tâm giám sát, điều hành thông minh; hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của quốc gia, bộ, địa phương; các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng.	d) Gói thầu ***thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê, mua sắm dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để triển khai,*** xây dựng, mở rộng, nâng cấp: cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo quốc gia; nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu, phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương; hệ thống quản lý văn bản, điều hành, cơ sở dữ liệu chuyên ngành của bộ, tỉnh; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; trung tâm giám sát, điều hành thông minh; hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến của	Sửa đổi gói thầu xây dựng, mở rộng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu để bao quát tất cả gói thầu (hàng hóa, tư vấn, hỗn hợp…) bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của lĩnh vực KHCN ĐMST CĐS, Nghị quyết số 193/2025/QH15.

	quốc gia, bộ, địa phương; các nền tảng số, hệ thống thông tin quy mô quốc gia, quy mô vùng.".	
Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau		
4. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng.	4. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá ***01 tỷ đồng***; gói thầu ~~dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp~~ thuộc dự án có giá gói thầu không quá ***03*** tỷ đồng.";	Trong quá trình tổng kết thi hành pháp luật về đấu thầu, các Bộ, ngành, địa phương[1] có ý kiến cho rằng hạn mức chỉ định thầu hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn, nhiều gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản nhưng chỉ vượt nhẹ hạn mức vẫn phải thực hiện đầy đủ quy trình lựa chọn nhà thầu, làm kéo dài thời gian tổ chức thực hiện.
Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:		
e) Gói thầu lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ, điều chỉnh nhiệm vụ và lập, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch và pháp luật có liên quan về quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành;	***e) Các gói thầu phục vụ công tác quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch và pháp luật khác có liên quan về quy hoạch;***	Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 đã sửa đổi quy định về hệ thống quy hoạch, trong đó bãi bỏ quy định "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành", đồng thời quy định quy hoạch đô thị và nông thôn được thực hiện theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định có liên quan đến "quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành" để bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.
Điều 79. Quy trình chỉ định thầu thông thường		
(Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 79)		
3. Quy trình chỉ định thầu thông thường được thực hiện như sau: a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu:	3. Quy trình chỉ định thầu thông thường được thực hiện như sau: a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu: ***Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt căn cứ vào tờ***	Việc thực hiện chỉ định thầu theo phương thức truyền thống bằng hồ sơ giấy còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tình trạng hợp thức hóa hồ sơ, gây khó

[1] Bộ Tư pháp, các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có). Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư quy định trong hồ sơ yêu cầu mức tỷ lệ tiết kiệm của giá đề nghị trúng thầu để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất. Chủ đầu tư không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Nghị định này. Việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu phải căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu (nếu có).	***trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu (nếu có)***. Chủ đầu tư không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Nghị định này. Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có). Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của gói thầu, chủ đầu tư quy định trong hồ sơ yêu cầu mức tỷ lệ tiết kiệm của giá đề nghị trúng thầu để làm cơ sở cho nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất. ***b) Phát hành, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu:*** Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh	khăn cho công tác giám sát, kiểm tra. Do đó, thực tiễn đặt ra yêu cầu cần đẩy mạnh thực hiện chỉ định thầu trên Hệ thống nhằm tăng cường công khai, minh bạch, bảo đảm khả năng theo dõi, lưu vết quá trình thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về đấu thầu. Đồng thời bổ sung quy định yêu cầu nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam, qua đó tăng cường tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện hợp đồng, góp phần bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả của hình thức chỉ định thầu.

b) Xác định nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu: Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này. Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, c khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó. Hồ sơ yêu cầu được phát hành cho nhà thầu dự kiến chỉ định. c) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu: Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất căn cứ hồ sơ yêu cầu. Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo	nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này. Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, c khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó. Hồ sơ yêu cầu được phát hành ***trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*** cho nhà thầu dự kiến chỉ định. ***Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu, sửa đổi hồ sơ yêu cầu được thực hiện Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày có thời điểm đóng thầu.*** ***c) Nộp hồ sơ đề xuất, đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo với nhà thầu*** ***Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Việc mở thầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sau thời điểm đóng thầu, trường hợp cần thiết có thể mở thầu ngay sau khi nhà thầu nộp hồ sơ đề xuất trước thời điểm đóng thầu. Biên bản mở thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bao***	

quy định của hồ sơ yêu cầu và thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt. đ) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Việc phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này. Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136 của Nghị định này. e) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này.	***gồm các nội dung: tên nhà thầu; giá dự thầu; giá trị giảm giá (nếu có); thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất; thời gian thực hiện gói thầu.*** Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo quy định của hồ sơ yêu cầu và thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. ***Trong quá trình thương thảo, đối với gói thầu có cấu phần mua sắm hàng hóa, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa nhập khẩu, nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam.*** ***Căn cứ báo cáo đánh giá hồ sơ đề xuất, kết quả thương thảo trong quá trình đánh giá, nội dung làm rõ, bổ sung hồ sơ đề xuất, chủ đầu tư tổ chức đối chiếu tài liệu với nhà thầu.*** Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt ***và đáp ứng tỷ lệ tiết kiệm theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu***. d) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết	

	quả lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136 của Nghị định này. Việc phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này. ***Hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu được tự động công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.*** đ) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng: Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này. ***Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế, các nội dung thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quy định tại điểm a, b, c, d khoản này được thực hiện trực tiếp giữa chủ đầu tư và nhà thầu và không phải thực hiện đối chiếu tài liệu.***	
Điều 80. Quy trình chỉ định thầu rút gọn		
Sửa đổi, bổ sung khoản 1		
1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực	1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu ~~có khả năng thực hiện gói thầu~~,	Việc xác định nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu làm chủ đầu tư phát sinh thêm quy trình đánh giá, tăng thủ tục hành chính, thời

hiện gói thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.	chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có ***khả năng*** ~~năng lực, kinh nghiệm~~ thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.	gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.
Sửa đổi, bổ sung khoản 2		
2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.	2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4 và các điểm a, b khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, ***trừ gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 Nghị định này.***	Bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45a Luật Đầu tư công[2].
Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3		
a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu: Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu; đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. Nội dung dự thảo hợp đồng	a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu: Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu ***trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.*** Đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng ***trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia*** cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc	Việc thực hiện chỉ định thầu theo phương thức truyền thống bằng hồ sơ giấy còn tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tình trạng hợp thức hóa hồ sơ, gây khó khăn cho công tác giám sát, kiểm tra. Do đó, thực tiễn đặt ra yêu cầu cần đẩy mạnh thực hiện chỉ định thầu trên Hệ thống nhằm tăng cường công khai, minh bạch, bảo đảm khả năng theo dõi, lưu vết quá trình thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

[2] Chủ đầu tư dự án đầu tư công đặc biệt được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và được thực hiện dự án theo phương thức vừa thiết kế, vừa thi công và được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đấu thầu,...

bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác. Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó;	đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. ***Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng đấu thầu quốc tế, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trực tiếp đến nhà thầu.*** Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác. Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó;	về đấu thầu.
Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3		
b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm	b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu: Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm	Thực tiễn triển khai một số gói thầu chỉ định thầu có sử dụng hàng hóa nhập khẩu cho thấy còn khó khăn trong việc xác định, đối chiếu giá hàng hóa nhập khẩu thực tế trong quá trình thực hiện hợp đồng, nhất là các trường hợp giá chào thầu có biến động lớn so với giá nhập khẩu khi

giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế; đối với gói thầu xây lắp thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu. Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này;	giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế; đối với gói thầu xây lắp thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu. ***Đối với gói thầu có cấu phần mua sắm hàng hóa, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa nhập khẩu, nhà thầu phải cung cấp thông tin về giá nhập khẩu dự kiến của hàng hóa nhập khẩu và cam kết cung cấp giá nhập khẩu và tài liệu chứng minh khi hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam.*** Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này;	hàng hóa được đưa vào Việt Nam. Do đó, cần bổ sung cơ chế cung cấp thông tin và tài liệu về giá nhập khẩu để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và xử lý phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau		
4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.	4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá ***100*** triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.	Nâng hạn mức giá trị gói thầu, nội dung mua sắm được cơ quan, đơn vị tự quyết định việc mua sắm từ không quá 50 triệu đồng lên không quá 100 triệu đồng nhằm đơn giản hóa thủ tục đối với các nhu cầu mua sắm thường xuyên, giá trị nhỏ; giảm thời gian, chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu.
Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5		
	6. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng quy trình quy định tại khoản	Chủ đầu tư được lựa chọn một trong hai quy trình chỉ định thầu thông thường và chỉ định thầu rút gọn

	3 Điều 79 của Nghị định này hoặc khoản 3 Điều này.	
Điều 99. Điều kiện áp dụng chào giá trực tuyến		
Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3		
a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng đối với dự toán mua sắm, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này; b) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng đối với dự án;	a) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá ***03*** tỷ đồng đối với dự toán mua sắm, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này; b) Gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có giá gói thầu không quá ***07*** tỷ đồng đối với dự án;	Thực tiễn triển khai yêu cầu cần phải tiếp tục nghiên cứu nâng hạn mức áp dụng nhằm phát huy tối đa hiệu quả của hình thức chào giá trực tuyến rút gọn, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, giảm chi phí tổ chức thực hiện, đặc biệt đối với các gói thầu quy mô nhỏ, tính chất đơn giản, hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường.
Điều 106. Hàng hoá, dịch vụ đặt hàng		
Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2		
a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc nhóm công nghệ chiến lược của các ngành, lĩnh vực; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng đi ểm, quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ;	a) Hàng hoá, dịch vụ thuộc nhóm công nghệ chiến lược của các ngành, lĩnh vực; các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm***; các dự án, công trình, nhiệm vụ*** quan trọng quốc gia, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, ***phát triển công nghiệp*** quốc phòng, an ninh, đào tạo nhân lực gắn với chuyển giao công nghệ;	Danh mục sản phẩm đặt hàng vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành...). Sửa đổi để tăng cường phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian trong dấu thầu.
Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2		
	e) Hàng hoá, dịch vụ, công trình được đặt hàng để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế.	Danh mục sản phẩm đặt hàng vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành...). Cần sửa đổi để tăng cường phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu.
Sửa đổi, bổ sung khoản 3		

3. Các bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ đặt hàng theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, trừ trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác.	3. ***Thủ trưởng cơ quan trung ương, người đứng đầu*** ~~Các Bộ,~~ cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực ~~trình Thủ tướng Chính phủ~~ ban hành danh mục hàng hoá, dịch vụ đặt hàng ***trong phạm vi quản lý*** theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, trừ trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác.	Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; nội dung phân quyền, phân cấp
Điều 109. Quy trình đặt hàng		
Sửa đổi, bổ sung khoản 6		
6. Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng (trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước): Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm: tiến độ thực hiện; chất lượng hàng hóa, dịch vụ; vi phạm hợp đồng đặt hàng và lý do vi phạm; các thông tin khác (nếu cần thiết). Thời gian đăng tải có thể trong hoặc sau thời thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian hoàn thành đặt hàng.	6. Công khai thông tin kết quả thực hiện hợp đồng đặt hàng ***và thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng***, trừ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước a) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, gồm: tiến độ thực hiện; chất lượng hàng hóa, dịch vụ; vi phạm hợp đồng đặt hàng và lý do vi phạm; các thông tin khác (nếu cần thiết). Thời gian đăng tải có thể trong hoặc sau thời thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ~~hoàn thành~~ ***thực hiện hợp đồng*** đặt hàng; ***b) Tổ chức đặt hàng công khai thông tin về chất lượng hàng hóa đã được sử dụng theo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 của Nghị định này. Thời gian công khai là sau thời gian thực hiện hợp đồng nhưng không muộn hơn 06 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng đặt hàng.***	Bổ sung quy định về giám sát: tình hình, tiến độ, kết quả của việc đặt hàng; đánh giá quá trình triển khai thực hiện gói thầu của nhà thầu trúng thầu, bảo đảm tuân thủ theo hợp đồng ký kết, đồng thời công khai kết quả giám sát trên Hệ thống.
Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6		
	7. Việc đặt hàng quy định tại khoản 2 Điều 106 của Nghị định này không phải lập, phê	Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian trong đấu thầu

	duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	
Điều 113. Hợp đồng đối với nhà thầu được lựa chọn		
1. Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư (hoặc đơn vị được ủy quyền) với nhà thầu là hợp đồng dân sự và được xác lập bằng văn bản. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền (sau đây gọi là đại diện hợp pháp) của nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng; đối với nhà thầu liên danh, đại diện hợp pháp của các thành viên liên danh chịu trách nhiệm ký hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Đấu thầu. Hợp đồng đã được các bên ký kết, có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật là cơ sở pháp lý cao nhất ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng và để giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có). Nội dung của hợp đồng phải được lập theo mẫu quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đồng thời phù hợp với kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), kết quả hoàn thiện hợp đồng, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở yêu cầu của gói thầu và quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).	1. Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư (hoặc đơn vị được ủy quyền) với nhà thầu là hợp đồng dân sự và được xác lập bằng văn bản. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền (sau đây gọi là đại diện hợp pháp) của nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng; đối với nhà thầu liên danh, đại diện hợp pháp của các thành viên liên danh chịu trách nhiệm ký hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 67 của Luật Đấu thầu. Hợp đồng đã được các bên ký kết, có hiệu lực và phù hợp với quy định của pháp luật là cơ sở pháp lý cao nhất ràng buộc trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng và để giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có). Nội dung của hợp đồng phải được lập theo mẫu quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đồng thời phù hợp với ***hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất,*** kết quả thương thảo hợp đồng (nếu có), kết quả hoàn thiện hợp đồng, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở yêu cầu của gói thầu và quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).	Bảo đảm nguyên tắc hợp đồng phải phù hợp với quy định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.
Điều 131. Giám sát hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền		
Bổ sung điểm k vào sau điểm i khoản 2		
	k) Đối với gói thầu có tính chất quan trọng, trọng điểm thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và b1 khoản 3 Điều này, ngoài các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản này, nội dung giám sát gồm: tình hình, tiến độ, kết quả của việc	Bổ sung quy định về giám sát riêng của người có thẩm quyền đối với gói thầu quan trọng, cấp bách, thực hiện nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp

	áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng; đánh giá quá trình triển khai thực hiện gói thầu của nhà thầu trúng thầu, bảo đảm tuân thủ theo hợp đồng ký kết.	đặc biệt, đặt hàng gồm các nội dung về: tình hình, tiến độ, kết quả của việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu; đánh giá kết quả việc áp dụng hình thức chỉ định thầu, lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, đặt hàng; đánh giá quá trình triển khai thực hiện gói thầu của nhà thầu trúng thầu, bảo đảm tuân thủ theo hợp đồng ký kết, đồng thời công khai kết quả giám sát trên Hệ thống.
Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 3		
	b1) Hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án được áp dụng đặt hàng	Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát, chuyển từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm", đồng thời kiểm soát rủi ro trong hoạt động đấu thầu, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan có thẩm quyền
Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3		
đ) Gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này nhưng người có thẩm quyền quyết định thực hiện giám sát (nếu cần thiết).	đ) Gói thầu không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, ***b1***, c và d khoản này nhưng người có thẩm quyền quyết định thực hiện giám sát (nếu cần thiết).	Đồng bộ dẫn chiếu với quy định được sửa đổi
Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4		
c) Báo cáo kết quả giám sát: cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát thường xuyên báo cáo bằng văn bản đến người có thẩm quyền về kết quả giám sát. Trường hợp phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định pháp luật về đấu thầu, pháp luật có liên quan, cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát phải đề xuất người có thẩm quyền về biện pháp xử lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả của gói thầu.	c) Báo cáo kết quả giám sát: cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát thường xuyên báo cáo bằng văn bản đến người có thẩm quyền về kết quả giám sát và công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp với quy định pháp luật về đấu thầu, pháp luật có liên quan, cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát phải đề xuất người có thẩm quyền về biện pháp xử lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả của gói thầu.	Tăng cường kiểm tra, giám sát

Điều 132. Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương		
Sửa đổi, bổ sung khoản 2		
2. Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương a) Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu thuộc phạm vi, trên địa bàn do bộ, ngành, địa phương quản lý; b) Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương.	2. Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương ***Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương là Sở Tài chính, đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nhiệm vụ giám sát thường xuyên (sau đây gọi là cơ quan giám sát thường xuyên) thực hiện giám sát các hoạt động sau đây:*** a) Giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Điều 2 của Luật Đấu thầu ***trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của*** ~~thuộc phạm vi, trên địa bàn do~~ bộ, ngành, địa phương ~~quản lý~~; b) Giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước ***trên địa bàn, lĩnh vực quản lý*** ~~thuộc phạm vi quản lý~~ của bộ, ngành, địa phương.	Làm rõ cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ giám sát thường xuyên là Sở Tài chính và đơn vị được bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao nhiệm vụ giám sát thường xuyên.
Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5		
4. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này a) Thông tin về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được gửi tới cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương thông qua Hệ thống mạng đấu thầu	4. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này a) Thông tin về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được gửi tới cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương thông qua Hệ thống mạng đấu thầu	Bổ sung quy định cơ quan giám sát thường xuyên thành lập đoàn giám sát hoặc đoàn kiểm tra đột xuất để giám sát, kiểm tra đối với các gói thầu nêu trên khi có dấu hiệu vi phạm.

quốc gia hoặc theo kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân; b) Cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các thông tin theo quy định tại điểm a khoản này để yêu cầu chủ đầu tư báo cáo hoặc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện gói thầu, dự án; c) Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư, người có thẩm quyền xem xét, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và có văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. 5. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này a) Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên báo cáo bằng văn bản đến Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này; b) Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các thông tin theo quy định tại điểm a khoản này để yêu cầu	quốc gia hoặc theo kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân; b) Cơ quan ~~quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương~~ ***giám sát thường xuyên*** có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp các thông tin theo quy định tại điểm a khoản này để ~~yêu cầu chủ đầu tư báo cáo hoặc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền~~ đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện gói thầu, dự án; c) ***Trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu, Cơ quan giám sát thường xuyên có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư rà soát, kiểm tra để kịp thời xử lý và báo cáo Cơ quan giám sát thường xuyên về kết quả xử lý. Đối với gói thầu thuộc nội dung giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu quy định tại điểm a khoản 3 Điều này hoặc trường hợp cần thiết, cơ quan giám sát thường xuyên thành lập đoàn giám sát hoặc đoàn kiểm tra đột xuất để giám sát, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu và kịp thời có biện pháp xử lý theo quy định;*** ***d) Trường hợp có bằng chứng về hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân, cơ quan giám sát thường xuyên*** có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư, người có thẩm quyền xem xét, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm và có văn bản chấn chỉnh hoạt động đấu thầu của cơ quan, tổ chức trên địa bàn, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. 5. Trình tự, thủ tục giám sát thường xuyên hoạt động đấu thầu đối với trường hợp quy định tại ~~điểm b khoản 1 và~~ điểm b khoản 2	

doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên đưa ra biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện gói thầu, dự án; c) Trường hợp cần thiết, Bộ Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu thuộc bộ, ngành, địa phương thành lập Đoàn giám sát để thực hiện giám sát hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu của doanh nghiệp nhà nước không sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên không sử dụng ngân sách nhà nước.	Điều này a) Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp nhà nước ~~không sử dụng vốn ngân sách nhà nước~~, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên ***cập nhật thông tin về hoạt động lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 của Luật Đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các thông tin được cập nhật bao gồm: tình hình chung về hoạt động lựa chọn nhà thầu tại doanh nghiệp, đơn vị; hiệu quả trong công tác đấu thầu, mua sắm; kết quả thực hiện đối với các gói thầu thuộc dự án gồm: số lượng nhà thầu tham dự thầu, giải quyết kiến nghị, kết quả lựa chọn nhà thầu và các nội dung cần thiết khác; tiến độ, kết quả triển khai công tác đấu thầu tại các dự án quan trọng, trọng điểm của doanh nghiệp, đơn vị trong quý (nếu có); dự kiến các hoạt động đấu thầu, mua sắm quan trọng trong quý tiếp theo (nếu có); thông tin khác (nếu có)***; ***b) Cơ quan giám sát thường xuyên tiếp nhận các thông tin quy định tại điểm a khoản này trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc các thông tin kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân được gửi đến (nếu có) để tổng hợp, theo dõi và khuyến nghị các biện pháp cần thiết để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu;*** ***c) Cơ quan giám sát thường xuyên tổ chức Đoàn giám sát để thực hiện giám sát đối với các hoạt động lựa chọn nhà thầu khi có dấu hiệu không đảm bảo công khai, minh bạch,***	

	hiệu quả.	
Điều 138. Quy trình giải quyết kiến nghị		
Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1		
a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đến chủ đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ	a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư ***trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc*** trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đến chủ đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ	Nhằm tăng tính công khai, minh bạch, đơn giản quy trình giải quyết kiến nghị, bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu

chức và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;	chức và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;	
Sửa đổi, bổ sung khoản 2		
2. Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây: a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin của nhà thầu gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.	2. Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây: a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin của nhà thầu gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập ~~và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia~~. ***Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu***	Nhằm tăng tính công khai, minh bạch, đơn giản quy trình giải quyết kiến nghị, bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu

b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị đồng thời đến bộ phận thường trực và chủ đầu tư thì trách nhiệm giải quyết kiến nghị thuộc Hội đồng giải quyết kiến nghị.	***thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.*** b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập ~~và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia~~. ***Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.*** Trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị đồng thời đến bộ phận thường trực và chủ đầu tư thì trách nhiệm giải quyết kiến nghị thuộc Hội đồng giải quyết kiến nghị.	
Sửa đổi, bổ sung khoản 4		
4. Văn bản giải quyết kiến nghị phải có kết luận về nội dung mà nhà thầu kiến nghị; trường hợp kiến nghị được kết luận là đúng thì trong văn bản giải quyết kiến nghị phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có). Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng thì văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do. Việc hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.	4. Văn bản giải quyết kiến nghị phải có kết luận về nội dung mà nhà thầu kiến nghị; trường hợp kiến nghị được kết luận là đúng thì trong văn bản giải quyết kiến nghị phải nêu rõ biện pháp, cách thức và thời gian để khắc phục hậu quả (nếu có). Trường hợp kiến nghị của nhà thầu được kết luận là không đúng thì văn bản trả lời phải giải thích rõ lý do. ~~Việc hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Nghị định này.~~ ***Trong mọi trường hợp nhà thầu***	Quy định nhà thầu không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp, bảo đảm phù hợp với thực tế sử dụng khoản chi phí này trong quá trình giải quyết kiến nghị và khắc phục vướng mắc về nguồn kinh phí hoàn trả, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện. Thực tiễn triển khai cho thấy các khoản tiền nhà thầu nộp khi kiến nghị được sử dụng để chi trả các chi phí thực tế phục vụ hoạt động của Hội

	kiến nghị không được hoàn trả chi phí giải quyết kiến nghị đã nộp.	đồng giải quyết kiến nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Việc xác định nội dung kiến nghị đúng hay sai chỉ được thực hiện sau khi đã hoàn tất quá trình giải quyết, do đó tại thời điểm có kết luận, khoản tiền này cơ bản đã được sử dụng. Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực chưa có quy định về nguồn kinh phí để thực hiện việc hoàn trả trong trường hợp kiến nghị được xác định là đúng; nếu hoàn trả sẽ phát sinh yêu cầu bố trí ngân sách nhưng chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để triển khai. Đồng thời, việc kiến nghị của nhà thầu được kết luận là đúng không xuất phát từ lỗi của Hội đồng giải quyết kiến nghị, do đó, quy định về hoàn trả chi phí trong trường hợp này cần được rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn thực hiện.
Sửa đổi, bổ sung khoản 6		
6. Đối với việc giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị, chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, Hội đồng giải quyết kiến nghị.	6. Đối với việc giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền~~, Hội đồng giải quyết kiến nghị~~, chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền~~, Hội đồng giải quyết kiến nghị~~.	Nhằm tăng tính công khai, minh bạch, đơn giản quy trình giải quyết kiến nghị, bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu
Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7		
	8. Đối với kiến nghị có nhiều nội dung phức tạp, chủ đầu tư, người có thẩm quyền,	Nhằm bảo đảm quyền và lợi ích cho nhà thầu

	Hội đồng giải quyết kiến nghị có thể quyết định kéo dài thêm tối đa 07 ngày làm việc	
Điều 140. Xử lý tình huống trong đấu thầu qua mạng và không qua mạng		
Sửa đổi khoản 25		
25. Trong quá trình nhà thầu thực hiện hợp đồng, trường hợp nhân sự của nhà thầu (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu đó trúng thầu thì chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu; nhà thầu chỉ được thanh toán đối với các phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu theo quy định trong hợp đồng. Nhà thầu bị coi là không hoàn thành hợp đồng và bị đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trong thông báo phải nêu rõ lý do vi phạm dẫn tới phải chấm dứt hợp đồng; đối với phần công việc chưa thực hiện, chủ đầu tư tiến hành chỉ định thầu theo quy định tại điểm đ khoản 20 Điều này hoặc tách thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật.	25. Trong quá trình nhà thầu thực hiện hợp đồng ~~trường hợp~~ **tại các gói thầu mà** nhân sự của nhà thầu (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự để cho nhà thầu đó trúng thầu thì chủ đầu tư phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và tịch thu giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà thầu; nhà thầu chỉ được thanh toán đối với các phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu theo quy định trong hợp đồng. Nhà thầu bị coi là không hoàn thành hợp đồng và bị đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trong thông báo phải nêu rõ lý do vi phạm dẫn tới phải chấm dứt hợp đồng; đối với phần công việc chưa thực hiện, chủ đầu tư tiến hành chỉ định thầu theo quy định tại điểm đ khoản 20 Điều này hoặc tách thành gói thầu mới và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật.”	
Bổ sung khoản 33a và 33b vào sau khoản 33		
	33a. Trường hợp gói thầu chỉ có một tham dự thầu nhà thầu và có hồ sơ dự thầu đáp ứng cơ bản yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định của hồ sơ mời thầu đối với hạng mục hàng hóa là vật tư, thiết bị thông thường, thông dụng, sẵn có trên thị trường	Bổ sung các trường hợp phát sinh trong thực tiễn cần áp dụng quy trình xử lý tình huống

	với tổng giá trị các hạng mục hàng hóa này trong giá gói thầu chiếm tỷ trọng không quá 1% giá gói thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế các hàng hóa đó. Việc bổ sung, thay thế không được làm thay đổi đơn giá của hàng hóa đã chào. ***33b. Trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất bị kéo dài dẫn đến hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu hết hiệu lực, chủ đầu tư được quyền yêu cầu nhà thầu khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu, bảo đảm dự thầu tương ứng. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận hoặc từ chối việc khôi phục hiệu lực của hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, bảo đảm dự thầu thì nhà thầu không bị xử lý theo các quy định của pháp luật về đấu thầu.***	
Sửa đổi, bổ sung khoản 34		
34. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản 33 Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.	34. Ngoài trường hợp quy định từ khoản 1 đến khoản ***33b*** Điều này, khi phát sinh tình huống, chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình.	Đồng bộ với các quy định sửa đổi
Điều 141. Quản lý nhà thầu		
Sửa đổi, bổ sung khoản 2		
2. Quản lý nhà thầu phụ: a) Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc xây lắp; tư vấn; phi tư vấn; dịch vụ liên quan của gói thầu cung cấp hàng hóa; công việc thuộc gói thầu hỗn	2. Quản lý nhà thầu phụ: ***a) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, chủ đầu tư quy định tỷ lệ phần trăm về giá trị tối đa sử dụng nhà thầu phụ trên giá dự thầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Nhà thầu được đề xuất các phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ, tên nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ***	Thực tiễn triển khai cho thấy công tác quản lý, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng còn phát sinh một số vướng mắc. Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia chưa có đầy đủ thông tin phục vụ theo dõi, giám sát việc sử dụng nhà thầu phụ; đồng thời, một số quy định

hợp. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện; b) Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ quy định tại điểm a khoản này hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu; c) Nhà thầu chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng các nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện các công việc được giao. Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện công việc quan trọng của gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, việc đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt được thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt; d) Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu với nhà thầu phụ.	***đề xuất, việc đề xuất phải bảo đảm không vượt giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu chưa xác định được tên nhà thầu phụ dự kiến thực hiện thì nhà thầu có thể không nêu tên nhà thầu phụ nhưng phải nêu rõ phần công việc, giá trị phần công việc sử dụng nhà thầu phụ trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Phần công việc có thể là một hoặc nhiều hạng mục công việc hoặc một phần khối lượng trong hạng mục công việc của gói thầu;*** ***b) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thực hiện công việc quan trọng của gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, việc đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt được thực hiện theo quy định nêu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Khi sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt, nhà thầu không bắt buộc phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với phần công việc giao cho nhà thầu phụ đặc biệt;*** ***c) Trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu phải thống nhất mức tỷ lệ phần trăm sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu được đề xuất thay đổi tên nhà thầu thầu phụ, tăng hoặc giảm phần công việc, giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng bảo đảm không vượt giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu để làm cơ sở ký kết hợp đồng.*** d) Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà	liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu phụ, tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng còn có cách hiểu và áp dụng khác nhau. Điều này dẫn đến lúng túng trong quá trình tổ chức thực hiện, đồng thời ảnh hưởng đến hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm về nhà thầu phụ, chuyển nhượng thầu. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi quy định về quản lý nhà thầu phụ nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà thầu phụ trong quá trình thực hiện hợp đồng; hạn chế hành vi chuyển nhượng thầu trái quy định; bảo đảm thống nhất trong nhận thức và tổ chức thực hiện

	thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất hoặc các nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để thực hiện các công việc dự kiến sử dụng nhà thầu phụ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện; đ) Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ~~quy định tại điểm a khoản này~~ ***(trừ nhà thầu phụ đặc biệt)*** hoặc thay đổi ***phần công việc, giá trị công việc do nhà thầu phụ thực hiện*** ~~nội dung thầu phụ~~ nêu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận và ***phải bảo đảm*** không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; ***chủ đầu tư không đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ (trừ nhà thầu phụ đặc biệt),*** nhà thầu chịu trách nhiệm lựa chọn, sử dụng nhà thầu phụ có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu ***về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện.*** ~~sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;~~. ***Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm dành cho nhà thầu phụ được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trên giá trị phần công***	

	việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh; c) Nhà thầu chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng tiến độ cho nhà thầu phụ theo đúng thỏa thuận giữa nhà thầu với nhà thầu phụ. ***"g) Nhà thầu không được sử dụng hoặc ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần công việc thuộc trách nhiệm của mình sau khi đã trừ đi giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng;*** ***h) Nhà thầu được ký hợp đồng để mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, hàng hóa, thiết bị, thuê thiết bị thi công, nhân sự từ các nhà cung cấp, cá nhân để thực hiện gói thầu. Trong trường hợp này, các nhà cung cấp, cá nhân không phải là nhà thầu phụ, giá trị các công việc này không bị tính vào giá trị công việc sử dụng nhà thầu phụ và không bị coi là vi phạm quy định tại điểm g khoản này.***	
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ)		
Điều 13. Căn cứ để đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước		
Sửa đổi, bổ sung khoản 1		
	1. Dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao. ***Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.***	Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ khác được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.
Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 14		

	d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan. ***Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị căn cứ giá thực hiện năm gần nhất hoặc giá tại thời điểm lập dự toán để ký hợp đồng đặt hàng.*** ***Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng theo quy định.***	Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ khác được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.
Điều 18. Căn cứ đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích		
Sửa đổi, bổ sung khoản 1		
	1. Dự toán được cấp có thẩm quyền giao đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích. ***Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo***.”;	Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ khác được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.
Sửa đổi, bổ sung khoản 3		
	3. Đơn giá, giá đặt hàng; mức trợ giá được xác định ~~trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và do cơ quan có thẩm quyền quyết định~~ theo quy định của pháp luật về giá và quy định của các pháp luật khác có liên quan. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ công ích có thu phí thì theo mức thu phí do Nhà nước quy định.”.	Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ khác được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.

Điều 19. Nội dung hợp đồng đặt hàng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích		
Sửa đổi điểm c khoản 1		
	c) Giá, đơn giá, mức trợ giá. ***Trong đó: giá, đơn giá đặt hàng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan.*** ***Trường hợp thủ trưởng cơ quan, đơn vị xác định nhiệm vụ cấp bách cần triển khai ngay, trong thời gian chờ cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị căn cứ giá thực hiện năm gần nhất hoặc giá tại thời điểm lập dự toán để ký hợp đồng đặt hàng.*** ***Sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành đơn giá, giá đặt hàng; các cơ quan, đơn vị điều chỉnh hợp đồng, thực hiện nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng, xác định mức trợ giá theo quy định.***	Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ khác được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.
Điều 26. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp		
Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2		
	b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng làm cơ sở ban hành giá ~~dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước~~ ***sản phẩm, dịch vụ công*** theo quy định của pháp luật về giá và quy định pháp luật khác có liên quan ~~để làm cơ sở đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định này~~. Trường hợp đối với những danh mục ~~dịch vụ sự nghiệp công sử~~	Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy định về đặt hàng sản phẩm, dịch vụ khác được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định này.

	~~dụng ngân sách nhà nước~~ ***sản phẩm, dịch vụ công*** các bộ, cơ quan trung ương chưa ban hành hoặc không ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, ***định mức chi phí (nếu có) hoặc ban hành không phù hợp với thực tế tại địa phương***, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành ~~dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước~~ ***sản phẩm, dịch vụ công*** thuộc phạm vi quản lý để thực hiện ***phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương***. ***Ban hành, sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của địa phương***.	